

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI



(Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 05/10/2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/05/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số/2018/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng ... năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI



Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 021.6629 8666

Website: <http://ybm.com.vn>

Email: info@ybm.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 7572

Website: www.vietinbanksc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Anh Tuấn

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Điện thoại: 0984.034.892



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 05/10/2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/05/2018)

Trụ sở chính: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 021.6629 8666

Website: <http://ybm.com.vn>

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: YBM
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 12.999.938 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá	: 129.999.380.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 2220 0237

Fax: 028. 2220 0265

Website: <http://pkf.afcvietnam.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 7572

Website: www.vietinbanksc.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	12
3. Rủi ro đặc thù	13
4. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán	15
5. Rủi ro về thanh khoản	15
6. Rủi ro khác	15
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	16
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái.....	16
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	18
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	24
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	27
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông	36
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	39
6. Hoạt động kinh doanh	43
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	61
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	65
9. Chính sách đối với người lao động	70
10. Chính sách cổ tức	73
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	73
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	84

13. Tài sản	95
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	98
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	101
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	102
Không có	102
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	102
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	102
1. Loại chứng khoán.....	102
2. Mệnh giá.....	102
3. Mã chứng khoán.....	102
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	102
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	102
6. Phương pháp tính giá.....	104
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	107
8. Các loại thuế có liên quan	108
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	110
1. Tổ chức tư vấn.....	110
2. Tổ chức kiểm toán.....	110
VII. PHỤ LỤC	111
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....	111
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty.....	111
3. Phụ lục III: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty	111
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính của Công ty kiểm toán năm 2016 và 2017	111
5. Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật	111

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2012 – 2017 và dự báo 2018 - 2019.....	6
Hình 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm 2008 - 2017	8
Hình 3: Tình hình lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2018	10

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/06/2018	36
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm thành lập Công ty và thời điểm 30/06/2018	37
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018	39
Bảng 4: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	47
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018	47
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018	49
Bảng 7: Cơ cấu chi phí hợp nhất giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	53
Bảng 8: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018	53
Bảng 9: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	60
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	61
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	62
Bảng 12: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành với YBM.....	68
Bảng 13: Số lượng người lao động trong Công ty tính tới thời điểm 30/06/2018	70
Bảng 14: Tỷ lệ chia cổ tức của Công ty trong các năm 2016, 2017.....	73
Bảng 15: Tình hình các khoản vay của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018	74
Bảng 16: Các khoản nợ phải trả hợp nhất của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	76
Bảng 17: Các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	77
Bảng 18: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	78
Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018.....	80
Bảng 20: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản hợp nhất của Công ty giai đoạn 2016 – 2017.....	82
Bảng 21: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty mẹ giai đoạn 2016 – 2017.....	83
Bảng 22: Tình hình tài sản hợp nhất của Công ty giai đoạn 05/10/2015 - 30/06/2018	95
Bảng 23: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2018	96
Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 – 2020	98

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái ... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Năm 2017 nền kinh tế toàn cầu đang có những dấu hiệu phục hồi khả quan sau khi trải qua giai đoạn khó khăn, trời sục trong năm 2016. Các nền kinh tế lớn đã dần lấy lại được đà tăng trưởng mà đáng kể nhất là kinh tế Mỹ.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các khu vực, quốc gia trên thế giới trong năm 2017 không đồng đều, trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đạt mức tăng trưởng 4,6%, thì tốc độ tăng trưởng kinh tế của tiểu vùng Sahara châu Phi và Trung Đông chỉ đạt 2,6%. Tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển hầu hết ở dưới mức mục tiêu đặt ra, cụ thể: mức tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2017 đạt khoảng 2,2% trong khi mức tăng trưởng của Nhật Bản là 1,5%, Anh đạt 1,7%, Đức đạt 2%. Diễn hình nhất về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong khu vực châu Á là Trung Quốc, đạt mức tăng trưởng là 6,8% trong năm 2017.

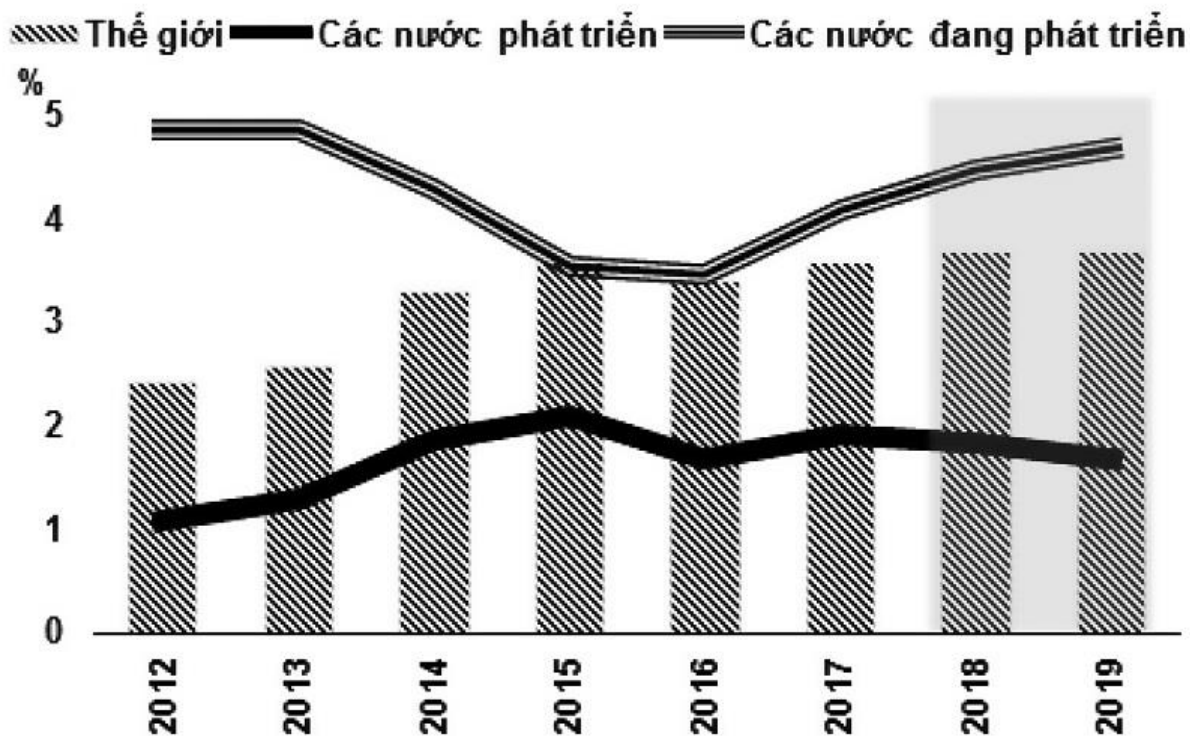
Năm 2017 đánh dấu sự phục hồi của thị trường chứng khoán trên thế giới, khi các chỉ số S&P 500, Euro Stoxx, TOPIX tại các nước phát triển và các chỉ số chứng khoán tại các nước mới nổi đều có xu hướng tăng.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm thay đổi và cải thiện hiệu quả quá trình sản xuất – trao đổi – phân phối – tiêu dùng, làm tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân toàn cầu.

Trong Quý I/2018, kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế như WB, IMF, OECD, kinh tế thế giới năm 2018-2019 có thể tăng trưởng 3,9%; trong đó các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển tăng trưởng mạnh mẽ với tỷ lệ 4,9%, trong khi các nước phát triển chỉ đạt 2%. Tình hình thương mại toàn cầu duy trì mức tích cực (trên

4%), giá cả hàng hóa cơ bản ổn định, giá xăng dầu có xu hướng tăng.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2012 – 2017 và dự báo 2018 - 2019



(Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế - IMF)

Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong ngắn hạn sẽ tăng lên do triển vọng tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản và châu Âu được cải thiện đáng kể, trong khi các nền kinh tế mới nổi vẫn là động lực chính giúp thúc đẩy và củng cố triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, đà tăng trưởng này có thể bị đe dọa bởi chính sách hướng nội tại một số quốc gia và điều kiện tài chính toàn cầu ngày càng thắt chặt. Do đó, IMF kêu gọi các nước thành viên thuộc Nhóm 20 nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) duy trì khung thương mại đa phương cởi mở, hoàn tất các cải cách tài chính và củng cố cấu trúc tài chính quốc tế.

Tuy nền kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng cao trong thời gian tới nhưng vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro và thách thức như các yếu tố bất định từ những điều chỉnh chính sách của Mỹ; các vấn đề địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường, nổi lên là căng thẳng Mỹ - Nga, Anh - Nga, EU - Nga; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; xu hướng gia tăng chủ nghĩa dân túy, bảo hộ thương mại; rủi ro tài chính, tiền tệ còn dấu hiệu hiện hữu, nhất là ở thị trường chứng khoán toàn

cầu... Cùng với đó là các rủi ro liên quan đến việc thay đổi hoặc trì hoãn các hiệp định thương mại tự do như NAFTA hay TPP (nay gọi là CPTPP) mà xuất phát điểm là từ phong trào dân tộc cực đoan ở các nước phát triển sẽ là rào cản cho sự phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái, năm 2018, doanh thu xuất khẩu đạt khoảng 30% - 40% tổng giá trị doanh thu, đồng thời Công ty dự kiến mở rộng thị trường tiêu thụ sang các thị trường lớn như Trung Quốc, Srilanka, South africa Với tỷ trọng xuất khẩu trên tổng giá trị xuất bán của Công ty cao, do đó sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới đặc biệt là các thị trường sản xuất hạt nhựa, phụ gia ngành nhựa cao trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến giá bán, sản lượng xuất khẩu của Công ty trong giai đoạn tới. Đồng thời các khách hàng lớn của Công ty là sản xuất hạt nhựa, do đó thị trường hạt nhựa tăng trưởng còn phụ thuộc vào biến động của giá dầu thế giới từ đó ảnh hưởng đến sản lượng xuất bán và doanh thu của mặt hàng bột đá CaCO₃ của công ty.

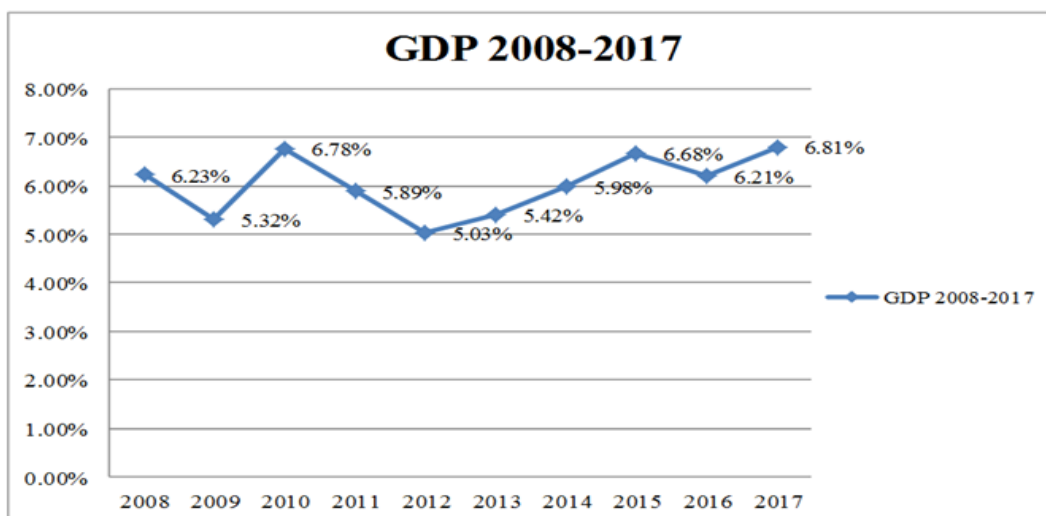
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Theo công bố báo cáo kinh tế - xã hội năm 2017 của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý 1 tăng 5,15%; quý 2 tăng 6,28%; quý 3 tăng 7,46%; quý 4 tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng (220 tỷ USD); GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016.

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm 2008 – 2017



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Trong đó, đặt mục tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 tăng 6,5% - 6,7%.

Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong những thị trường tăng trưởng nhanh nhất châu Á trong năm 2018, Standard Chartered dự báo GDP Việt Nam 2018 tăng 6,8% với động lực chính là hoạt động sản xuất mà chủ yếu là sản xuất hàng điện tử đang duy trì mạnh mẽ và hỗ trợ bởi dòng vốn FDI. Trong khi đó, HSBC dự báo năm 2018, GDP Việt Nam giảm nhẹ về 6,5%, CPI tăng nhẹ lên 3,7%, tỷ giá gần như ổn định ở 22.900 USD/VND. Ngoài ra, báo cáo của HSBC cũng chỉ ra rằng, 2018 là năm quan trọng trong việc giảm thuế, khi những quốc gia ít phát triển hơn ở ASEAN (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam) sẽ giảm các dòng thuế bổ sung, là một phần của cam kết hoàn thiện trong AEC gốc. Còn ANZ dự báo: Tăng trưởng GDP năm 2018 của Việt Nam là 6,8%, lạm phát ở mức 3,5% và Bloomberg dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2018 đạt 6,5%. Mới đây, triển vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam được Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) điều chỉnh tăng lên 6,7% cho cả hai năm 2017 và 2018, so với các mức dự báo tương ứng đã công bố trước đây là 6,3% và 6,5%.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất của 6 tháng kể từ năm 2011 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong việc Chính phủ ban hành các giải pháp và chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm 2018. Việt Nam tiếp tục thực hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các tổ chức niêm yết chứng khoán.

Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái, sản phẩm chính của Công ty là bột đá CaCO₃, được dùng làm chất phụ gia trong ngành công nghiệp sơn, nhựa, giấy, cao su, ... và các ứng dụng khác trong các ngành công nghiệp. Sản phẩm của Công ty được phân phối tại thị trường trong nước với tỷ trọng doanh thu khoảng 60-70%. Trường hợp tốc độ tăng trưởng được duy trì ở mức cao và ổn định sẽ làm gia tăng nhu cầu của xã hội về sản phẩm của Công ty, qua đó giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty thuận lợi. Ngược lại, nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế sụt giảm sẽ khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn.

Để hạn chế rủi ro về kinh tế, Công ty luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Năm 2017, sau khi Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm 0,25% các mức lãi suất điều hành, lãi suất cho vay ngắn hạn của các ngân hàng thương mại Nhà nước vẫn phổ biến 6,8%/năm – 8,5%/năm trong khi chi phí vay trung và dài hạn dao động quanh 9,3%/năm – 10,3%/năm. Tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 7,8%/năm – 9%/năm và trung, dài hạn ở mức 10%/năm – 11%/năm. Lãi suất huy động bình quân kỳ hạn trên 12 tháng phổ biến ở mức 6,4%/năm – 7,2%/năm.

Mặt bằng lãi suất trong những tháng đầu năm 2018 được giữ khá ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,6%/năm - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%/năm - 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%/năm - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%/năm - 7,3%/năm. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên tiếp tục giảm, trong đó các ngân hàng thương mại Nhà nước và một số ngân hàng thương mại cổ phần đã giảm khoảng 0,5%/năm lãi suất cho vay đối với các khách hàng tốt. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%/năm - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9%/năm - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như cho vay bất động sản, cho vay tiêu dùng của các công ty tài chính... để đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng.

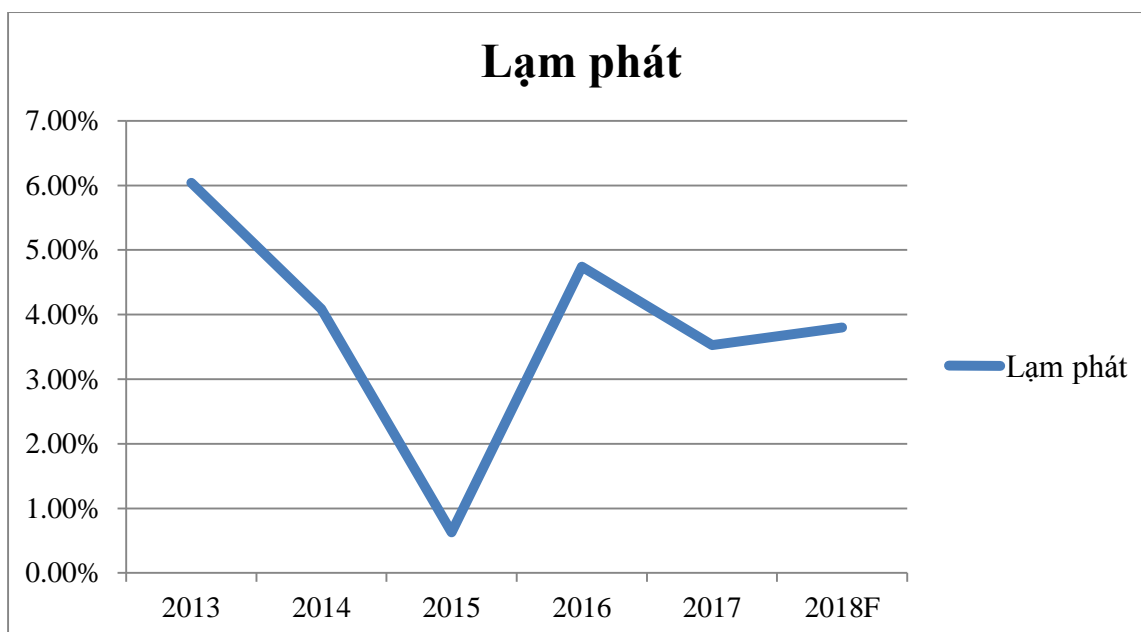
Hiện tại, Công ty đang sử dụng vốn vay cho mục đích mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; trang trải chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí bán hàng,... tập trung chủ yếu là vay ngắn hạn (hơn 92 tỷ đồng). Phần nợ thuê tài chính được dùng để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định. Lãi suất vay vốn và nợ thuê tài chính bình quân của năm 2017 từ 4,5% đến 8%. Lãi vay sẽ tạo ra gánh nặng tài chính. Do trong cơ cấu vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Trong giai đoạn 2008 – 2011, tỉ lệ lạm phát cao đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và (các) hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm chế lạm phát, ổn định vĩ mô vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong giai đoạn từ 2011 - 2015, đồng thời, cũng được tái khẳng định trong kế hoạch kinh tế 05 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Từ năm 2010 đến nay, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các ngành, các cấp thực hiện ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô. Tỉ lệ lạm phát qua các năm đã được kiểm soát đáng kể, từ mức 6,04% trong năm 2013, giảm xuống còn 4,09% trong năm 2014, và chỉ còn 0,63% trong năm 2015 – mức thấp nhất trong 15 năm qua. Sang đến năm 2016, tỉ lệ lạm phát tuy có tăng đáng kể, 4,74%, nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra của Chính phủ, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, và hiệu quả của các chương trình giảm lạm phát của Nhà nước. Lạm phát bình quân cả năm 2017 tăng 3,53%, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm 2017. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng chủ yếu là do các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh.

Hình 3: Tình hình lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2018 tăng 1,35% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Lạm phát năm 2018 của Việt Nam dự kiến dưới 4%. Trong Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Chính phủ đã đặt ra kế hoạch tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%, điều này ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nếu trong tương lai lạm phát ở Việt Nam tăng cao đáng kể, thì chi phí của Công ty, bao gồm cả chi phí nguyên vật liệu, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh.

1.5. Tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Trong báo cáo về triển vọng kinh tế năm 2018, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia cho biết các yếu tố giúp tỷ giá tương đối ổn định trong năm qua là nhờ đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế. Chỉ số USD Index đã giảm tới 9,1% so với đầu năm 2017 dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất nhiều lần do tác động từ chính sách chống thâm hụt thương mại của nước này. Chênh lệch giữa lãi suất VND và USD hiện vẫn ở mức lớn khoảng 6%-7% và đang nghiêng về việc nắm giữ VND. Huy động ngoại tệ tăng thấp khoảng 4% so với cuối năm 2016 và NHNN mua được khoảng 7 tỉ USD từ hệ thống ngân hàng.

Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, có thể một lượng lớn ngoại tệ đã được các tổ chức

kinh tế và cá nhân bán, chuyển sang VND. Đồng thời, cán cân thanh toán tổng thể tiếp tục thặng dư nhờ cán cân thương mại xuất siêu, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng khá, niềm tin vào VND và sự ổn định vĩ mô ngày càng cao... giúp Ngân hàng nhà nước bổ sung được dự trữ ngoại hối lên mức cao kỷ lục.

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia dự báo tỷ giá năm 2018 sẽ tiếp tục ổn định khi có nhiều yếu tố hỗ trợ. Dù vậy, tần suất tăng lãi suất của Fed trong năm 2018 dự báo sẽ nhiều hơn tạo kỳ vọng cho đồng USD tăng giá trở lại. Tỷ giá USD/VND dự báo có thể tăng khoảng 1,5%-2% là hợp lý, tiếp tục tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài với tỷ trọng doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 30-40%, do đó hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá. Trong trường hợp đồng VND bị mất giá so với đồng ngoại tệ, Công ty sẽ được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại. Do đó, để hạn chế rủi ro về tỷ giá, Công ty có kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái có hoạt động sản xuất kinh doanh nằm trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Do đó Công ty còn chịu sự quản lý và điều chỉnh của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, các nghị định và thông tư hướng dẫn, thi hành Luật khoáng sản khác có liên quan. Ngày 03/04/2017, Chính phủ ban hành Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 33/2017/NĐ-CP, quy định cụ thể các hình thức sai phạm trong việc khai thác khoáng sản và mức phạt đối với từng hình thức sai phạm đó.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động của Công ty liên quan đến lĩnh vực sản xuất nguyên vật liệu, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

3.1. Rủi ro biến động nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là đá trắng, được Công ty thu mua từ nhiều mỏ đá, trong đó chủ yếu từ hai mỏ đá Mông Sơn và Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tuy nhiên với trữ lượng khai thác ngày càng tăng qua các năm và số lượng Công ty tham gia vào sản xuất bột đá CaCO₃ ngày càng nhiều ở khu vực Yên Bái và lân cận. Do đó nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào của Công ty trong thời gian tới sẽ gặp sự cạnh tranh từ các đối thủ cạnh tranh. Đồng thời nguyên vật liệu chính của Công ty là khoáng sản do đó giá cả nguyên vật liệu còn phụ thuộc vào chính sách thuế tài nguyên, chính sách vận chuyển. Do đó những biến động về nguồn cung và giá cả nguyên vật liệu (đá hóa trắng CaCO₃) và giá nhiên liệu (điện, dầu ...) có thể gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì các chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành của sản phẩm Công ty.

3.2. Rủi ro về cấp phép khai thác mỏ

Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện tại, Công ty đang được cấp phép khai thác tại 02 mỏ: Mỏ 1 thuộc Khu vực Minh Tiến 1, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy phép số 333/GP-BTNMT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được cấp phép khai thác cho Công ty CP Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái – Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chiếm 96,9% vốn điều lệ; Mỏ 2 – Mỏ quặng Talc thuộc xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 18121000573 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/3/2015 cho Công ty TNHH Talc Việt Nam – Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chiếm 99,0% vốn điều lệ. Thời hạn khai thác mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không cho phép gia hạn giấy phép khai thác mỏ đối với Công ty là không nhiều do năng lực và chất lượng khai thác của Công ty đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn.

3.3. Rủi ro cạnh tranh

Với mức biên lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển của ngành phụ gia cho hạt nhựa, giấy... lớn, một vài năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ ngày càng gia tăng. Hiện nay trên thị trường Việt Nam đang có khoảng 20 nhà sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ hoạt động chủ yếu tại Yên Bái, Nghệ An. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn đang manh mún và nhỏ lẻ. Tuy nhiên vẫn có các doanh nghiệp mới tham gia thị trường tạo ra áp lực cạnh tranh cho Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái.

Để kiểm soát rủi ro, Công ty đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao năng suất. Tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao cung cấp cho các khách hàng lớn quen thuộc, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường mới. Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông ...

3.4. Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Hiện nay, dự kiến sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Ấn Độ, Trung Quốc, Bangladesh, Srilanka... Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá trắng của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nếu các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu. Tuy nhiên công ty có cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu – một trong 5 nhà sản xuất chất độn nhựa filler masterbatch hàng đầu thế giới cam kết tiêu thụ 50% sản lượng sản xuất của Công ty. Đồng thời chính sách về thị trường đa dạng là các công ty sản xuất phụ gia nhựa, sơn, giấy, cao su trong nước và quốc tế nên hạn chế tối đa rủi ro về thị trường tiêu thụ.

3.5. Rủi ro tăng vốn nhanh

Do nhu cầu về vốn để đầu tư và triển khai các dự án sắp tới, nên từ tháng 4/2017 đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ 02 lần, nâng tổng mức vốn điều lệ lên 129.999.380.000 đồng (*chi tiết về các đợt tăng vốn theo mục 1.3 – quá trình tăng vốn điều lệ*). Vốn tăng sẽ tạo áp lực lên bộ máy và hoạt động của Công ty, dẫn đến một số rủi ro và thách thức nhất định:

- Tăng vốn nhanh đòi hỏi Công ty phải có phương án sử dụng vốn hiệu quả, trường hợp phương án kinh doanh không hiệu quả có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và kết quả hoạt động của Công ty;

- Tăng vốn nhanh đòi hỏi khả năng quản trị, năng lực quản lý và giám sát của Công ty đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động phải tăng lên tương ứng.

Tuy nhiên, nhờ vào việc định hướng và quản lý bởi Ban lãnh đạo có năng lực cao, giàu kinh nghiệm, Công ty đã định hướng trước được những vấn đề nêu trên để có những phương án thích hợp, giảm thiểu rủi ro và đồng thời tận dụng tối đa những lợi ích mà nguồn vốn mới mang lại.

3.6. *Rủi ro ô nhiễm môi trường*

Sản xuất và khai thác bột đá là một trong những hoạt động sản xuất có tác động tiêu cực tới môi trường trong đó quan trọng nhất là cảnh quan, địa hình, hệ sinh thái khu vực. Các giai đoạn phát triển của dự án có những tác động khác nhau tới môi trường xung quanh. Việc dự báo, đánh giá tác động môi trường của dự án là hết sức quan trọng. Nó không những đưa ra những dự báo về các mặt tích cực mà còn đưa ra những lời cảnh báo về các tác động nguy hại tới môi trường do hoạt động triển khai thực hiện dự án đem lại. Các tác động môi trường bao gồm những tác động trực tiếp và gián tiếp, ngắn hạn và lâu dài, những tác động tiềm ẩn và tích lũy, những tác động có thể khắc phục hoặc không thể khắc phục có tiềm năng lớn gây suy thoái, ô nhiễm môi trường khu vực. Nhận thức được điều đó, Công ty luôn cố gắng nâng cao chất lượng hệ thống khai thác và sản xuất, các giải pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và hạn chế các tác động xấu của quá trình khai thác đến môi trường xung quanh mà vẫn không làm hạn chế sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. **Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán**

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo cung và cầu thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. **Rủi ro khác**

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh chính, Công ty cũng bị ảnh hưởng nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái**

Ông: Hoàng Quốc Huy	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Tiên Dũng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Ngọc Minh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Lê Anh Tuấn	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Ông: **Chu Mạnh Hiền** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 05/UQ-CKCT do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương ký ngày 20/04/2018)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 33/2017/TVNY/CKCT07-YBM ngày 16/08/2017 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM


Từ, nhóm từ	Diễn giải
BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban Kiểm soát
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CCCD	: Căn cước công dân
CMND	: Chứng minh nhân dân
Công ty/ Tổ chức niêm yết/ YBM	: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái

CTCP/CP	: Công ty Cổ phần/Cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
TSCĐ	: Tài sản cố định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI
Tên tiếng anh	: YEN BAI INDUSTRY MINERAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: YBM
Người đại diện theo pháp luật	: Nguyễn Tiến Dũng
Trụ sở chính	: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
Điện thoại	: 021. 6629 8666
Fax	: 021. 6629 8666
Website	: http://ybm.com.vn
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh	: Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 05/10/2015 thay đổi lần thứ 3 ngày 18/05/2018.
Vốn điều lệ đăng ký	: 129.999.380.000 đồng (Một trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng)
Vốn thực góp hiện tại	: 129.999.380.000 đồng (Một trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng)
Logo Công ty	: 

❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Bán buôn tổng hợp Chi tiết:
4690 (Chính)	- Bán buôn hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO ₃) - Bán buôn quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Bán buôn thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết:
4663	- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh
0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác đá thạch anh, đá xây dựng, magie oxit (MgO) - Khai thác quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Sản xuất hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO ₃) - Chế biến quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	- Chế biến thạch anh, đá xây dựng, magie ooxxit (MgO)
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Đại lý tàu biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh kho bãi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phân bón
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Năm	Thành lập & phát triển
10/2015	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với vốn điều lệ 35 tỷ đồng
10/2015	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 về dự án đầu tư: “DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CACO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích

	đất 38.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 45.000 tấn/năm.
10/2015	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với công suất 45.000 tấn/năm.
01/2016	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất bột đá CaCO ₃ tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái đi vào hoạt động với sản lượng 45.000 tấn/năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận.
7/2016	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 2 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 53.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 80.000 tấn/năm.
8/2016	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 đưa 03 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động
4/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 3 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 64.596,8 m ² , công suất bột đá CaCO ₃ 250.000 tấn/năm.
6/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 lần đầu về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 44.000 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 105.000 tấn/năm.
04/2017	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 100 tỷ với mục đích đầu tư mua lại cổ phần, vốn góp 2 công ty, thanh toán gốc và lãi vay, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và bổ sung vốn lưu động.
05/2017	Mua lại cổ phần, vốn góp của 2 công ty: Công ty Cổ phần Thiết bị điện và

Khoáng sản Yên Bái và Công ty TNHH Talc Việt Nam sở hữu 2 mỏ khoáng sản là đá hoa và quặng Talc là 2 nguyên vật liệu chính đầu vào của sản phẩm công ty sản xuất.

11/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 thay đổi lần thứ nhất về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 48.136,4 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 105.000 tấn/năm.
5/2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 129.999.380.000 đồng.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

1.3.1. Vốn điều lệ ban đầu khi thành lập

- Vốn điều lệ đăng ký: 35.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 35.000.000.000 đồng
- Hồ sơ pháp lý:
 - Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/10/2015.

1.3.2. Tăng vốn đợt 1 tháng 4/2017 – 6/2017

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 35.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành: 35.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	
- Tỷ lệ phát hành	1:1,4 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách được hưởng 01 quyền, 10 quyền được mua 14 cổ phiếu mới)
- Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng phát hành	4.900.000 cổ phiếu
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016	
- Tỷ lệ phát hành	29%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:29 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền, 100 quyền được nhận cổ tức là 29 cổ phiếu mới)
- Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng phát hành	1.015.000 cổ phiếu
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	
- Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng phát hành	585.000 cổ phiếu

- Hồ sơ pháp lý:
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/YBM-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/YBM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017;
 - Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần 1 ngày 07/07/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 13/7/2017.

1.3.3. Tăng vốn đợt 2 tháng 5/2018

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 129.999.380.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành: 129.999.380.000 đồng
- Phương thức tăng vốn:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017	
- Tỷ lệ phát hành	30%
- Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng phát hành	2.999.938 cổ phiếu

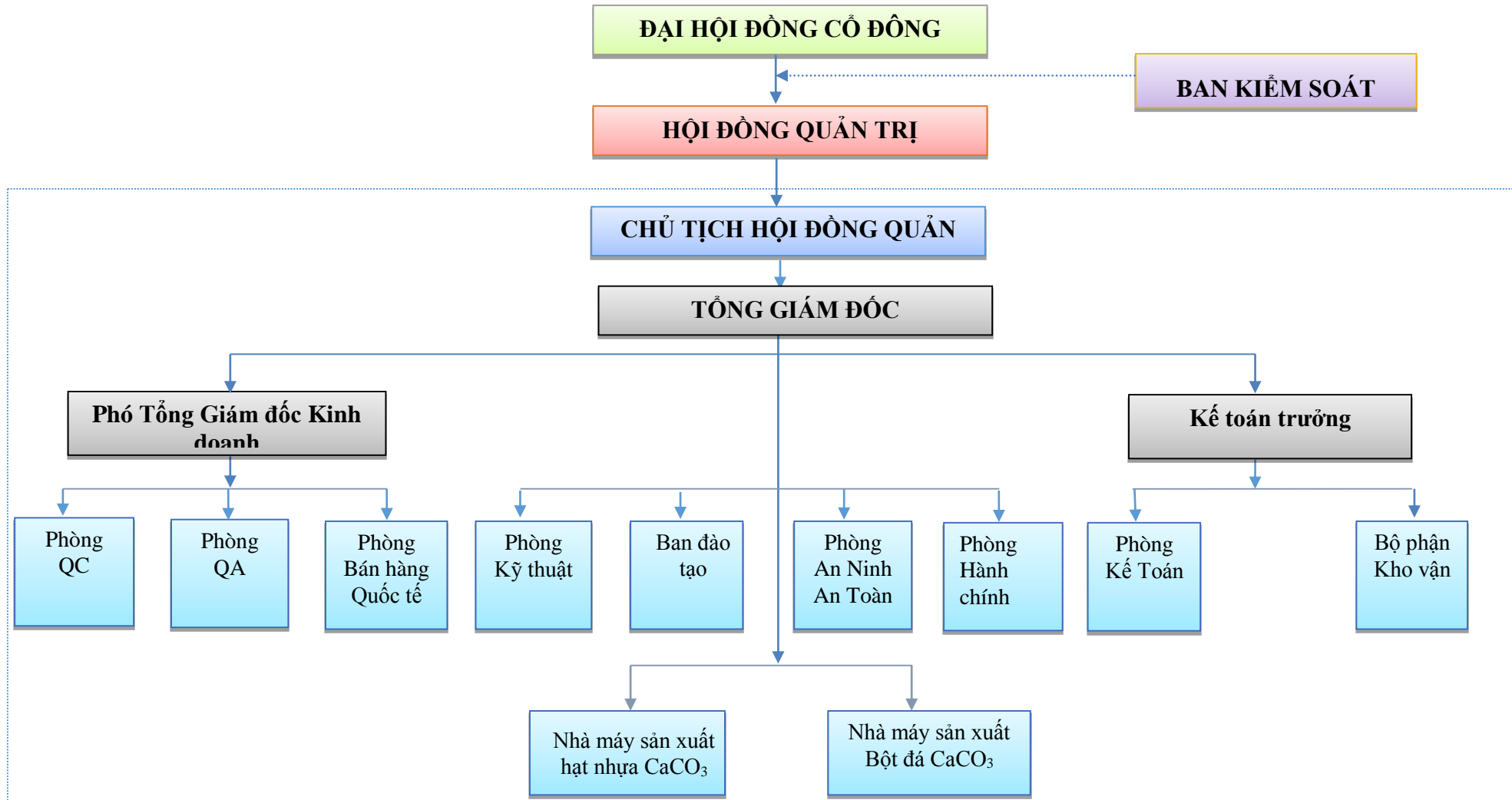
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Hồ sơ pháp lý:
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/BB-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018;
 - Công văn số 2822/UBCK-QLCB ngày 04/05/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 của Công ty;
 - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/BC-YBM ngày 16/05/2018 của Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 của Công ty;
 - Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần 1 ngày 07/07/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 18/05/2018.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái được tổ chức và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần 1 ngày 07/07/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 18/05/2018

- Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Điện thoại: 021.6629 8666
- Văn phòng đại diện: Tầng 30, tòa nhà Handico, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của YBM là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng, ban chức năng

3.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - + Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - + Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - + Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - + Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - + Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - + Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- + Lực chọn công ty kiểm toán;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- + Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- + Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- + Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- + Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- + Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- + Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- + Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- + Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị: là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- + Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng

- cổ đông thông qua;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - + Bổ nhiệm và miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; quyết định các mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng;
 - + Thông qua chủ trương để Tổng Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương;
 - + Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - + Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - + Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - + Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - + Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - + Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - + Thông qua danh mục các Quy chế nội bộ của Công ty, đồng thời ban hành các Quy chế này;
 - + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp

- Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- + Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - + Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - + Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - + Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - + Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - + Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Quốc Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Song Trà	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

3.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- + Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- + Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

- + Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
- + Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- + Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty .

Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Don	Ủy viên Ban Kiểm soát
Ông Mai Việt Cường	Ủy viên Ban Kiểm soát

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao:

- + Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- + Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- + Đề xuất Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị, Quy chế nội bộ của Công ty;
- + Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- + Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- + Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;
- + Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;
- + Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;
- + Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện);
- + Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- + Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;
- + Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính năm (05) năm;
- + Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng

- năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Quân	Phó Tổng Giám đốc

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

3.5. Các phòng, ban chức năng

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.5.1. Phòng Kế toán

Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- + Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- + Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- + Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- + Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- + Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- + Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

3.5.2. Phòng Hành chính

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- + Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Tổng Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- + Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- + Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- + Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- + Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- + Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- + Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty.

3.5.3. Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC)

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- + Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- + Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

3.5.4. Phòng QA

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng.

3.5.5. Phòng Kỹ thuật

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về vấn đề kỹ thuật trong sản xuất. Chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động bình thường của các dây chuyền sản xuất và các vấn đề khác về kỹ thuật tại nhà máy.

- + Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết hoặc yêu cầu của Công ty để tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập quy trình công nghệ, phiếu công nghệ cho các sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà khách hàng yêu cầu, dự trù chủng loại vật tư, định mức lao động cần thiết để sản xuất sản phẩm;
- + Theo dõi quản lý toàn bộ trang thiết bị của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức công tác sửa chữa thiết bị theo chu kỳ hoặc đột xuất, duy trì thời gian hoạt động thường xuyên của thiết bị;
- + Thường xuyên kiểm tra tình hình an toàn lao động, có quyền ngừng sản xuất khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến tính mạng của người công nhân. Chịu trách nhiệm về vật chất đối với những hư hỏng về thiết bị do nguyên nhân chủ quan, lơ là, không kiểm tra gây thiệt hại vật chất, tính mạng người lao động;

3.5.6. Phòng ANAT (Phòng An Ninh An Toàn)

Là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

3.5.7. Ban đào tạo

Là bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên. Phụ trách công tác tổ chức sản xuất, tổ chức cán bộ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật – nghiệp vụ và tay nghề cho cán bộ công nhân trong toàn Công ty. Đưa ra các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và áp dụng khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất

kinh doanh của Công ty.

3.5.8. Phòng bán hàng quốc tế

Là phòng tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu ban Tổng Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

3.5.9. Bộ phận kho vận

Là bộ phận phụ trách việc nhập xuất hàng hóa tại kho của Công ty.

3.5.10. Các nhà máy sản xuất

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, ANAT. Hiện các Nhà máy do Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 21/05/2018

TT	Tên Cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
1	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Giấy ĐKKD số 0700253609 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nam cấp ngày	Khu công nghiệp Đồng Văn, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên,	2.990.000	23%

		28/9/2007.	Tỉnh Hà Nam		
--	--	------------	-------------	--	--

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (bị hạn chế chuyển nhượng)

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm thành lập Công ty và thời điểm 21/05/2018

TT	Tên Cổ đồng	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu khi thành lập	% VĐL	Số cổ phần sở hữu tại ngày 30/5/2018	% VĐL
1	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Giấy ĐKKD số 0700253609 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nam cấp ngày 28/9/2007.	Khu công nghiệp Đồng Văn, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	3.250.000	92,86%	2.990.000 (*)	23%
2	Công ty Khoáng sản Công nghiệp Miền Bắc	Giấy ĐKDN số 0200644481 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 28/12/2007	Phòng 902, tòa nhà Dilmal, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	100.000	2,86%	0	0
3	Nguyễn Tiến Dũng	CMND số 033076000149 do CA Tp Hà Nội cấp ngày 19/12/2014	P204-A5 TT CC Số 1, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	100.000	2,86%	100.000	0,77%
4	Lê Hoàn	CMND số	Thôn 7, Thịnh	50.000	1,42%	0	0

TT	Tên Cổ đồng	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu khi thành lập	% VDL	Số cổ phần sở hữu tại ngày 30/5/2018	% VDL
		060727420 do CA tỉnh Yên Bái cấp ngày 23/04/2013	Hung, Yên Bình, Yên Bái.				
Tổng cộng				3.500.000	100%	3.090.000	23,77 %

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

(*) Tại ngày 30/5/2018 Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu đang sở hữu 2.990.000 cổ phần. Trong đó có 2.300.000 cổ phần sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập (kể từ ngày 05/10/2015)

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200824701 do Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/10/2015 và Luật Doanh nghiệp toàn bộ số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập (3.500.000 cổ phần này) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập (kể từ ngày 05/10/2015). Tuy nhiên đến thời điểm 30/5/2018 số cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập (kể từ ngày 05/10/2015) là 2.400.000 cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã được thông qua qua các kỳ họp đại hội đồng cổ đông năm 2017 và năm 2018.

Ghi chú: Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập:

- Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 01/2017/YBM/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2017/YBM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017 thông qua Công ty Cổ phần khoáng sản Công nghiệp Miền Bắc được phép chuyển nhượng 100.000 cổ phần và Công ty Nhựa Châu Âu được chuyển nhượng 950.000 cổ phần.
- Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 01/2018/BB-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018 thông qua việc chuyển nhượng 50.000 cổ phiếu của cổ đông sáng lập Lê Hoàn cho các nhà đầu tư khác.

❖ Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 21/05/2018

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước	12.999.938	100%	321
-	Tổ chức	2.990.000	23%	1
-	Cá nhân	10.009.938	77%	320
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
-	Tổ chức			
-	Cá nhân			
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		12.999.938	100%	321

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ

Không có

5.2. Các Công ty con

5.2.1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái

- Địa chỉ: Thôn Tồng Táng, Xã Minh Tiến, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận ĐKDN số 5200473161 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 20/11/2009

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến khác chưa được phân vào đâu: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và các chất phụ gia khác, đá quý, bột thạch anh, mica.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 19.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 19.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần YBM nắm giữ: 1.889.550 cổ phần, chiếm tỷ lệ 96,9% vốn điều lệ
- Giấy phép khai thác số 333/GP-BTNMT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Trữ lượng đá hoa khai thác: 12.470.994 m³, trong đó:
 - + Đá hoa làm đá khối, ốp lát: 5.168.050 m³
 - + Đá hoa làm bột carbonat canxi: 19.717.984 tấn (tương ứng 7.302.944 m³)
- Thời hạn Giấy phép khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.
- Trong năm 2017, Công ty phát sinh đã nộp 500.000.000 đồng chi phí trả trước dài hạn, Đến 30/06/2018, Công ty đã thực hiện xin hoàn thành cấp phép khai thác mỏ đá cacbonat canxi tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đầu tư khoan khảo sát thăm dò, phí tư vấn giám sát, kho mìn trị giá 2 tỷ đồng và công ty đã nộp 1,6 tỷ tiền chi phí trả trước để thực hiện khai thác khoáng sản. Đồng thời đã trả trước cho nhà thầu xây dựng các hạng mục để đưa vào khai thác mỏ 9,5 tỷ đồng. Hoàn thành các hồ sơ giấy phép cuối cùng để đưa mỏ đá vào khai thác.
- Hiện tại đến hết quý II/2018 Công ty đang thực hiện xây dựng cơ bản để đưa vào khai thác mỏ, do đó chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận từ Công ty.



Toàn cảnh quá trình khai thác đá nguyên vật liệu trên mỏ đá Lục Yên, Yên Bái.

5.2.2. Tên công ty: Công ty TNHH Talc Việt Nam

- Địa chỉ: Số nhà 136, Phố Vàng, Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận ĐKDN số 2600441779 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 15/09/2008
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, thăm dò, chế biến và kinh doanh khoáng sản Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ ngành khai thác khoáng sản, công nghiệp, nông nghiệp, hàng kim khí Kinh doanh hóa chất các loại (trừ loại nhà nước cấm)
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 15.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 đồng
- Giá trị phần vốn YBM nắm giữ là 14.850.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 99,0% vốn điều lệ
- Dự án Khai thác quặng Talc theo Giấy chứng nhận đầu tư số 18121000573 do Ủy ban

nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/3/2015. Thông tin về Dự án như sau:

- ✓ Tên Dự án: Dự án khai thác quặng Talc
 - ✓ Địa điểm thực hiện: Xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 26,6 ha (trong đó, khu vực khai thác: 19,31 ha; khu vực đổ thải: 6,54; khu văn phòng và phụ trợ: 0,86 ha)
 - ✓ Mục tiêu và quy mô của dự án: Khai thác, chế biến quặng Talc cung cấp cho thị trường trong nước để làm phụ gia sản xuất công nghiệp; Công suất khai thác đá nguyên khai 16.275 tấn/năm
 - ✓ Tổng mức đầu tư: 40.581.658.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm tám mươi một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng). Bằng 100% vốn tự có của doanh nghiệp và huy động hợp pháp khác
 - ✓ Thời gian hoạt động: 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư
 - ✓ Thời gian dự kiến khai thác: Hiện tại, Công ty TNHH Talc Việt Nam đang hoàn thiện các thủ tục để xin Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp giấy phép khai thác. Dự kiến bắt đầu khai thác từ đầu năm 2019.
 - ✓ Sản phẩm khai thác: Là quặng Talc để sản xuất hạt nhựa Talcal (Là nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái)
- Trong năm 2017, công ty chi ra 20 triệu đồng duy trì hoạt động công ty. Đến 30/06/2018 Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp giấy phép đầu tư năm 2015, đầu tư 7 tỷ chi phí thăm dò, khảo sát mỏ, phí tư vấn giám sát và đang tiến hành xin cấp phép khai thác khoáng sản mỏ quặng Talc.
 - Hiện tại đến hết quý II/2018 Công ty đang thực hiện xây dựng cơ bản để đưa vào khai thác mỏ, do đó chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận từ Công ty.

5.3. Các Công ty liên doanh, liên kết

Không có.

5.4. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

➤ Lĩnh vực hoạt động chính

Sản xuất bột đá Cacbonat Canxi (CaCO_3);

➤ Sản phẩm của Công ty

Công ty chuyên sản xuất, khai thác, chế biến các loại khoáng sản, đặc biệt là các sản phẩm bột CaCO_3 với nhiều kích thước khác nhau, để làm phụ gia trong các ngành công nghiệp sơn, nhựa, giấy, cao su,...

i. Sản phẩm bột CaCO_3 siêu mịn trắng phủ

- MÃ HIỆU: YBM – C

- Mô tả ngắn gọn về sản phẩm: Bột đá vôi trắng tự nhiên (trắng phủ axit béo) siêu mịn. Nguyên liệu được lựa chọn kỹ càng, tinh khiết nhất theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, độ tinh khiết cao và được chế biến trên dây chuyền sản xuất hiện đại theo công nghệ Đức và Tây Ban Nha.

- Các ứng dụng: Ngành công nghiệp hóa, mỹ phẩm (nếu được tiệt trùng). Sử dụng rộng rãi làm chất độn và chất kéo dãn trong các sản phẩm cao cấp của các ngành công nghiệp sơn, nhựa, giấy, cao su, chất dẻo cao cấp, v.v... và các ứng dụng khác trong các ngành công nghiệp.



Bột CaCO_3 siêu mịn trắng phủ (YBM-C)

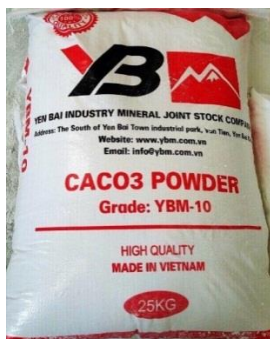
ii. Sản phẩm bột CaCO_3 siêu mịn

- MÃ HIỆU: YBM

- Mô tả ngắn gọn về sản phẩm: Bột đá vôi trắng tự nhiên (không trắng phủ axit béo) siêu mịn. Nguyên liệu được lựa chọn kỹ càng, tinh khiết nhất theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, độ tinh khiết

cao và được chế biến trên dây chuyền sản xuất hiện đại theo công nghệ Đức và Tây Ban Nha.

- Các ứng dụng: Ngành công nghiệp hóa, mỹ phẩm (nếu được tiết trùng). Sử dụng rộng rãi làm chất độn và chất kéo dãn trong các sản phẩm cao cấp của các ngành công nghiệp sơn, nhựa, giấy, cao su, chất dẻo cao cấp, v.v... và các ứng dụng khác trong các ngành công nghiệp.



Bột CaCO₃ siêu mịn (YBM)

➤ **Năng lực hoạt động sản xuất**

Hiện tại, Công ty đang sở hữu ba nhà máy với diện tích 10,86 ha được cấp phép thuê trong 50 năm tại Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Công ty đang sở hữu hệ thống dây chuyền 8 máy nghiền tinh, 3 dây chuyền, 3 nhà xưởng nhà kho và các tài sản, máy móc phụ trợ. Đồng thời quý II/2018 Công ty đưa vào hoạt động thêm 2 dây chuyền máy thủy lực nâng công suất Công ty lên 360.000 tấn/ năm. Hiện nay Công ty đang hoạt động trên diện tích 4,4 ha và Quý III/2018 Công ty tiếp tục đầu tư, đưa vào vận hành Nhà máy 4 trên diện tích đất còn lại bao gồm 5 dây chuyền máy nghiền tinh, nâng thêm công suất 15.000 tấn/tháng.

Với đội ngũ lãnh đạo, công nhân viên ổn định được đào tạo và nhiều năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất bột đá, đảm bảo cho việc sản xuất, xuất hàng tại các nhà máy được thuận lợi.



Khuôn viên nhà máy sản xuất bột đá*Dây chuyền máy nghiền bột đá CaCO₃**Cung cấp nguyên liệu đầu vào nhà máy**Kho chứa thành phẩm bột đá CaCO₃**Bãi chứa nguyên vật liệu của công ty**Xuất hàng tại cầu cảng của Công ty.*

➤ **Danh sách các mỏ khoáng sản Công ty/Công ty con đang được cấp phép khai thác**

- ✓ **Mỏ đá:** đã được cấp phép khai thác cho Công ty CP Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái – Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chiếm 96.9% vốn điều lệ.
- Vị trí mỏ khai thác: Khu vực Minh Tiến 1, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy phép số 333/GP-BTNMT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Trữ lượng đá hoa khai thác: 12.470.994 m³, trong đó:
 - + Đá hoa làm đá khối, ốp lát: 5.168.050 m³
 - + Đá hoa làm bột carbonat canxi: 19.717.984 tấn (tương ứng 7.302.944 m³)
 Sản phẩm sau khai thác và chế biến: bột đá từ mịn đến siêu mịn, đá xẻ.

- Công suất khai thác: 444.400 m³/năm
+Đá hoa làm đá khối, ốp lát: 184.300 m³/năm
+Đá hoa làm bột carbonat canxi: 702.270 tấn/năm (tương ứng 260.100 m³/năm)
Riêng khai thác năm thứ nhất (kết hợp xây dựng cơ bản mỏ): 19.893 m³; năm thứ 2: 150.000 m³; năm thứ 3: 350.000 m³.
- Thời hạn Giấy phép khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm
- ✓ **Mỏ quặng Talc:** đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty TNHH Talc Việt Nam – Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chiếm 99,0% vốn điều lệ.
- Vị trí mỏ khai thác: xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 18121000573 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/3/2015.
- Công suất: 16.275 tấn/năm đá nguyên khai
- Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng Talc làm phụ gia sản xuất công nghiệp.
- Thời gian hoạt động: 30 năm kể từ ngày được Cấp giấy chứng nhận đầu tư.
- Thời gian dự kiến khai thác: Hiện tại, Công ty TNHH Talc Việt Nam đang hoàn thiện các thủ tục để xin Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp giấy phép khai thác. Dự kiến bắt đầu khai thác từ đầu năm 2019.

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm bao gồm: Doanh thu bán hàng hóa trong nước và Doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu.

Thu nhập khác bao gồm: Thu nhập từ bán thành phẩm không đạt tiêu chuẩn và thu nhập khác.

(**) Công ty bắt đầu hoạt động từ 05 tháng 10 năm 2015 vì vậy số liệu tài chính được ghi nhận cho giai đoạn từ 05/10/2015 đến 31/12/2016.

Ghi chú: Hiện tại, 02 (hai) công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái đang thực hiện xây dựng cơ bản để đưa vào khai thác mỏ, do đó chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.

➤ Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ sản phẩm qua các năm

Bảng 4: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị tính: Tấn

Chỉ tiêu		Năm 2016 (**)	Năm 2017	Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018
Bột CaCO ₃ siêu mịn trắng phủ (YBM-C)	Sản lượng sản xuất	-	25.849	14.405
	Sản lượng tiêu thụ sản phẩm	-	23.990	14.156
Sản phẩm bột CaCO ₃ siêu mịn (YBM)	Sản lượng sản xuất	89.257	186.076	82.519
	Sản lượng tiêu thụ sản phẩm	84.679	166.583	76.794

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

➤ Tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)		Năm 2017		Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung	72.001	99,975%	220.122	99,687%	146.937	99,957%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)		Năm 2017		Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	cấp dịch vụ						
-	Doanh thu bán hàng hóa trong nước	70.542	97,949%	158.195	71,642%	111.613	75,927%
-	Doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu	1.459	2,026%	61.927	28,045%	35.324	24,030%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	18	0,025%	435	0,197%	3	0,002%
3	Thu nhập khác	-	-	257	0,116%	60	0,041%
	Tổng cộng	72.019	100%	220.814	100%	147.000	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất, BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất, BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác. Do đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty (xấp xỉ 100%). Các doanh thu khác (doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác) chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư đưa vào hoạt động nhà máy giai đoạn 2 và giai đoạn 3. Do đó, sản lượng sản xuất bột đá CaCO₃ tăng. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh hoạt động marketing bán hàng trong nước cũng như xuất khẩu ra nước ngoài, kết hợp với việc đầu ra được đặt hàng và

bao tiêu với số lượng lớn, ổn định. Từ đó dẫn đến doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng lên đáng kể, cụ thể: năm 2017 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 148.121 triệu đồng (tăng gấp 3,06 lần) so với năm 2016.

Trong 06 tháng đầu năm 2018, doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 146.937 triệu đồng, tăng 50.702 triệu đồng (tăng gấp 1,53 lần) so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa trong nước đạt hơn 111,6 tỷ đồng (chiếm 75,927% tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2018) và doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu đạt hơn 35,3 tỷ đồng (chiếm 24,030% tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2018). Hiện tại, Công ty đang xuất khẩu bột đá CaCO₃ siêu mịn và siêu mịn tráng phủ chủ yếu ra 2 thị trường là Ấn Độ và Bangladesh; với các đối tác lớn như: Jupiter Chemicals, Sarthak International, POLY PIPES India PVT LTD, Durable Plastic LTD, Ratan Impex, Gayatri Microns LTD,... Nhà máy của Công ty đã hoàn thiện và đi vào hoạt động ổn định, đáp ứng đủ nguồn hàng hóa để cung cấp cho các đối tác trong và ngoài nước. Trong năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với một số đối tác lớn như Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu, Công ty Cổ phần Khoáng sản VNS Việt Nam, Công ty Cổ phần Đại Á Plastic, Công ty Cổ phần PMJ,... Do đó doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa của Công ty có sự tăng trưởng rõ rệt trong 06 tháng đầu năm 2018.

➤ *Tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong lợi nhuận qua các năm*

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)		Năm 2017		Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.253	105,06%	90.921	106,32%	60.011	107,95%
-	Lợi nhuận bán hàng hóa trong nước	21.802	102,93%	65.342	76,41%	44.948	80,85%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)		Năm 2017		Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
-	Lợi nhuận bán hàng hóa xuất khẩu	451	2,13%	25.579	29,91%	15.063	27,10%
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	(1.071)	(5,06)%	(5.262)	(6,15)%	(4.480)	(8,06)%
3	Lợi nhuận khác	-	-	(148)	(0,17)%	60	0,11%
Tổng cộng		21.182	100%	85.511	100%	55.591	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất, BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất, BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

Tổng lợi nhuận của Công ty có sự tăng trưởng qua các năm: đạt hơn 21 tỷ đồng trong năm 2016 và hơn 85,5 tỷ đồng trong năm 2017 (gấp hơn 3 lần so với năm 2016); đến hết quý II/2018 lợi nhuận Công ty đạt gần 55,6 tỷ đồng.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2017, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng lên đột biến, dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty cũng tăng lên đáng kể, từ hơn 22 tỷ đồng (năm 2016) lên đến gần 91 tỷ đồng (năm 2017). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong 06 tháng đầu năm 2018 đạt hơn 60 tỷ đồng.

Lợi nhuận hoạt động tài chính bị giảm đáng kể từ năm 2016 đến quý II/2018. Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty không đáng kể giai đoạn 2016 – quý II/2018, trong khi do nhu cầu tăng sản lượng sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản tăng, do đó nguồn vốn vay của Công ty tăng cao trong năm 2017 và quý II/2018 dẫn đến chi phí hoạt động tài chính hàng năm của Công ty tăng. Chi phí hoạt động tài chính của Công ty hiện tại chủ yếu là lãi vay từ ngân hàng và thuê tài chính. Dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động tài chính của Công ty bị âm trong những năm qua.

6.2 Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên liệu:

❖ Nguồn nguyên liệu Công ty mua từ bên ngoài:

Nguồn nguyên liệu để sản xuất sản phẩm của Công ty là đá hoa trắng (chiếm 92%) và Acid Etearic là chất tráng phủ sản phẩm (chiếm 8%). Đá hoa trắng được khai thác chủ yếu từ mỏ đá ở Lục Yên, tỉnh Yên Bái (đáp ứng 95% nguồn cung) – nơi có trữ lượng lớn với chất lượng ổn định, phần còn lại 5% Công ty khai thác từ mỏ đá ở Mông Dương, Yên Bái. Chất tráng phủ Acid Etearic được Công ty thu mua từ các nhà cung cấp trên thị trường.

Đến hết quý II/2018, Công ty đang mua ngoài 100% nguồn nguyên liệu chính từ các nhà cung cấp bên ngoài như: Công ty TNHH Vận tải Bắc My, Công ty TNHH Vận tải Huy Hoàng Yên Bái, Công ty cổ phần khai thác đá Hoa Cương, Công ty Liên doanh Canxi Cabonat YBB... Các Công ty này có vùng nguyên liệu được khai thác từ mỏ đá ở huyện Lục Yên và Mông Sơn, huyện Yên Bình, Yên Bái

❖ Nguồn nguyên liệu Công ty dự kiến khai thác từ các công ty con:

Sau khi các mỏ đá do Công ty con sở hữu được đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, Công ty sẽ có thêm nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào, cụ thể như sau:

- ✓ **Mỏ đá:** đã được cấp phép khai thác cho Công ty CP Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái – Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chiếm 96.9% vốn điều lệ.
- Vị trí mỏ khai thác: Khu vực Minh Tiến 1, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy phép số 333/GP-BTNMT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Trữ lượng đá hoa khai thác: 12.470.994 m³, trong đó:
 - + Đá hoa làm đá khối, ốp lát: 5.168.050 m³
 - + Đá hoa làm bột carbonat canxi: 19.717.984 tấn (tương ứng 7.302.944 m³)
- Sản phẩm sau khai thác và chế biến: bột đá từ mịn đến siêu mịn, đá xẻ.
- Thời hạn Giấy phép khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.

- ✓ **Mỏ quặng Talc:** được cấp phép đầu tư cho Công ty TNHH Talc Việt Nam – Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chiếm 99,0% vốn điều lệ
 - Vị trí mỏ khai thác: xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 18121000573 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/3/2015.
 - Tổng trữ lượng: 488.250 tấn quặng nguyên khai
 - Công suất: 16.275 tấn/năm đá nguyên khai
 - Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng Talc làm phụ gia sản xuất công nghiệp.
 - Thời gian hoạt động: 30 năm kể từ ngày được Cấp giấy chứng nhận đầu tư.
- **Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:**

Đá vôi trắng ở Yên Bái có quy mô lớn và chất lượng tương đối tốt tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Lục Yên và xã Mông Sơn, huyện Yên Bình. Tính đến nay công suất khai thác đá vôi trắng trên địa bàn tỉnh là 12 triệu tấn/năm đối với đá làm khoáng chất công nghiệp. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với công ty. Hơn nữa, Công ty con của công ty đã được cấp phép khai thác tại 1 mỏ đá thuộc huyện Lục Yên, đang đi vào khai thác và cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho Công ty trong năm 2018. Đây là những mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng khoáng sản tương đối tốt, đảm bảo tính ổn định cho nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:**

Với nguồn nguyên liệu dồi dào và các đối tác có mối quan hệ lâu dài với công ty, giá nguyên liệu chính luôn được giữ ở mức ổn định trong cả 2 năm qua. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 60% – 70% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Do đó, khi giá nguyên liệu chính ổn định thì lợi nhuận sẽ tăng lên khi Công ty tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong tình hình thị trường bột đá đang rất tiềm năng hiện nay, thì việc tăng doanh thu và tăng lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn có thể xảy ra.

6.3 Chi phí sản xuất

(**) Công ty bắt đầu hoạt động từ 05 tháng 10 năm 2015 vì vậy số liệu tài chính được ghi nhận cho giai đoạn từ 05/10/2015 đến 31/12/2016.

Bảng 7: Cơ cấu chi phí hợp nhất giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2016(**)		Năm 2017		Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	49.748	69,09%	129.201	58,70%	86.926	59,16%
Chi phí tài chính	1.089	1,51%	5.697	2,59%	4.483	3,05%
Chi phí bán hàng	7.664	10,64%	50.878	23,11%	28.465	19,37%
Chi phí quản lý DN	2.825	3,92%	5.048	2,29%	3.438	2,34%
Chi phí khác	-	-	405	0,18%	-	-
Tổng cộng chi phí	61.326	85,17%	191.229	86,87%	123.312	83,92%

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất quý II/2018 của YBM)***Bảng 8: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2016 (**)		Năm 2017		Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	49.748	69,09%	129.201	58,70%	86.926	59,16%
Chi phí tài chính	1.089	1,51%	5.697	2,59%	4.483	3,05%
Chi phí bán hàng	7.664	10,64%	50.878	23,11%	28.465	19,37%
Chi phí quản lý DN	2.825	3,92%	4.931	2,24%	3.291	2,24%
Chi phí khác	-	-	405	0,18%	-	-
Tổng cộng chi phí	61.326	85,17%	191.112	86,82%	123.165	83,82%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần có xu hướng giảm qua các năm, từ 69,09% năm 2016 xuống còn 58,7% trong năm 2017 và 59,16% trong 6 tháng đầu năm 2018. Nguyên nhân do giai đoạn năm 2015-2016 là những năm đầu Công ty mới đi vào hoạt động nên phát sinh nhiều chi phí liên quan đến chạy thử, thay thế vật tư,... Từ năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty đi vào ổn định, năng suất tăng cao dẫn đến giá thành giảm.

Chi phí tài chính năm 2017 tăng đáng kể so với năm 2016, cụ thể: tăng 4.608 triệu đồng (tăng gấp 5,23 lần). Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2017, Công ty thực hiện nhiều hợp đồng tín dụng ngân hàng để thanh toán các chi phí liên quan đến sản xuất kinh doanh đồng thời mua sắm nguyên vật liệu đầu vào dự trữ đảm bảo nguồn nguyên vật liệu ổn định cho nhu cầu sản xuất kinh doanh đang phát triển mạnh. Đồng thời, Công ty có thêm các hợp đồng thuê tài chính để đầu tư vào các dây chuyền sản xuất hiện đại như máy nghiền bột đá, máy rửa đá, nhà xưởng giai đoạn 3, từ đó dẫn đến lãi tiền vay tăng lên.

Chi phí bán hàng năm 2016 đạt 7.664 triệu đồng; năm 2017 đạt 50.878 triệu đồng, tăng gấp 6,6 lần so với năm 2016; 6 tháng đầu năm 2018 đạt 28.465 triệu đồng. Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác. Trong đó, tập trung chủ yếu là chi phí vận chuyển (chiếm > 90% chi phí bán hàng) và chi phí dịch vụ mua ngoài (chiếm > 5% chi phí bán hàng). Chi phí bán hàng tăng chủ yếu là do từ tháng 10/2016 Công ty thay đổi chính sách bán hàng là giao hàng tại kho của khách hàng. Do đó từ tháng 10/2016 chi phí vận chuyển tăng (năm 2017 gấp 6,42 lần so với năm 2016). Đồng thời năm 2017 sản lượng tiêu thụ xuất khẩu tăng cao so với năm 2016, do đó các chi phí dịch vụ mua ngoài như cước vận chuyển cảng, chi phí cảng, cước biển năm 2017 tăng cao hơn so với năm 2016.

Hai Công ty con là Công ty CP Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái và Công ty TNHH Talc Việt Nam đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản nên chưa phát sinh doanh thu lợi nhuận, chi phí từ hai công ty con chủ yếu là các chi phí quản lý doanh nghiệp.

6.2. Trình độ công nghệ

Trong những năm qua, Công ty liên tục đầu tư bổ sung đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao công tác quản lý và nâng công suất toàn bộ công ty, năng suất lao động đáp ứng nhu cầu ngày càng nhiều của khách hàng.

Công nghệ sản xuất bột đá siêu mịn CaCO_3 là công nghệ hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng ngày càng cao của các khách hàng. Hiện nay YBM sở hữu những dây chuyền đồng bộ, hiện đại nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO_3 . Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của Công ty đều dựa trên công nghệ của các nhà sản xuất máy hàng đầu trên thế giới.

Các dây chuyền sản xuất chính gồm:

- ✓ **Dây chuyền Nhà máy 1 nghiền bột đá siêu mịn CaCO_3 và bột đá siêu mịn CaCO_3 tráng phủ:** công suất 120.000 tấn/năm bao gồm 5 dây chuyền máy nghiền HSH 1395 và 2 dây chuyền máy tráng phủ cùng các máy nghiền thô, máy và xe phụ trợ.
- ✓ **Dây chuyền Nhà máy 2 nghiền bột đá siêu mịn CaCO_3 và bột đá siêu mịn CaCO_3 tráng phủ:** công suất 120.000 tấn/năm bao gồm 2 dây chuyền máy nghiền HSH 1395, 1 dây chuyền máy nghiền SBM 2395 và 2 máy tráng phủ cùng các máy nghiền thô, máy và xe phụ trợ.
- ✓ **Dây chuyền Nhà máy 3 nghiền bột đá siêu mịn CaCO_3 và bột đá siêu mịn CaCO_3 tráng phủ:** công suất 120.000 tấn/năm bao gồm 1 dây chuyền máy nghiền thủy lực HLMX13 và 1 dây chuyền máy thủy lực LUM1125 cùng các máy nghiền thô, máy rửa đá, băng tải rửa đá cùng các xe và máy phụ trợ.



Máy nghiền thủy lực HLMX13 trị giá 850.000 USD



Dây chuyền máy thủy lực LUM1125 807.000 USD



Máy nghiền siêu mịn HCH 1395



Máy tráng phủ axit stearic

YBM có hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Với công nghệ xử lý nước tuần hoàn khép kín, thân thiện với môi trường mà Công ty đã triển khai áp dụng, vấn đề này đã được giải quyết khá triệt để và hiệu quả. Với hệ thống xử lý nước thải này, Công ty tin rằng giá thành sản phẩm tái chế sẽ được giảm đáng kể, đem đến cho khách hàng lợi thế về giá cả cạnh tranh. Bên cạnh đó, hệ thống cũng góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường.

Hiện nay, Công ty đã đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới đặc biệt là công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác phù hợp với địa chất các điểm mỏ; công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.

Đối với 2 công ty con là Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái và Công ty TNHH Talc Việt Nam, dự kiến trong giai đoạn cuối năm 2018 và đầu năm 2019, Công ty và các bên liên quan sẽ tiến hành đầu tư mua sắm trang thiết bị chính theo dây chuyền công nghệ khai thác đá hiện đại đang được phần lớn các công ty khai thác áp dụng, để thực hiện khai thác các mỏ đá nguyên liệu.

6.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Để nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, Công ty đã thành lập phòng QA. Nhiệm vụ của phòng QA là chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách

hàng.

Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm của mình cả về mẫu mã và tính năng sử dụng để đảm bảo duy trì và phát triển thương hiệu, cũng như thị phần trên thị trường.

Trong thời gian tới, Công ty dự kiến đưa ra dòng sản phẩm bột đá CaCO₃ mới với kích cỡ nhỏ hơn sản phẩm hiện tại của Công ty, qua đó kỳ vọng tạo đột phá về dòng sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu khắt khe của khách hàng.

6.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Với tiêu chí hoạt động coi trọng uy tín, chất lượng lên hàng đầu, do vậy các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng được Công ty kiểm tra nghiêm ngặt thông qua những nguyên tắc và quy trình đã được thiết lập sẵn. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Toàn bộ các khâu của quá trình sản xuất được kiểm soát bởi hệ thống kiểm tra chất lượng nội bộ của từng bộ phận, các bộ phận này gắn kết chặt chẽ với từng công đoạn sản xuất. Sau đó, các sản phẩm trước khi nhập kho thành phẩm cũng được một bộ phận gồm những người có kinh nghiệm kiểm duyệt một lần nữa. Do đó hầu như tất cả các sản phẩm của Công ty sản xuất đều đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

6.5. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng: Công ty thường xuyên quảng cáo, giới thiệu sản phẩm của mình thông qua website <http://ybm.com.vn>, phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia các hội chợ bán hàng trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng tiềm năng.

Chính sách chăm sóc khách hàng: khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn luôn có ít nhất 2 nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi nào liên quan đến YBM, đến các sản phẩm của YBM hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng

nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.

6.6. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Công ty đã hoàn thiện xây dựng thương hiệu, Logo – Slogan, triển khai bộ nhận diện thương hiệu, triển khai củng cố, nâng cấp Website, thiết kế lại Catalog quảng cáo giới thiệu về Công ty:

Thương hiệu: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái



Logo:

Logo của Công ty đã được đăng ký ở cục sở hữu trí tuệ Việt Nam và 2 nước có thị trường lớn của Công ty là Ấn độ và Bangladesh.

6.7. *Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết*

Bảng 9: Các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện năm 2017	Giá trị tạm tính năm 2018	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng mua bán nguyên tắc số YBB-MK261/18-CT	Đến 31/12/2018		1.600	Đá trắng dạng đá hộc Cacbonat canxi	Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB
2	Hợp đồng nguyên tắc số 01/2018/PLH Đ/YBM-BM	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	31.396	30.400	Đá trắng dạng đá hộc Cacbonat canxi	Công ty TNHH Vận tải Bắc My
3	Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐMB/YBM-HHYB	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	11.730	20.500	Đá trắng dạng đá hộc Cacbonat canxi	Công ty TNHH Vận tải Huy Hoàng Yên Bái
4	Hợp đồng nguyên tắc số 0101/2018/HĐMB/YBM-MD	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	6.549	12.000	Đá trắng dạng đá hộc Cacbonat canxi	Công ty CP Thương mại và xây dựng Minh Đức

Bảng 9: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện năm 2017	Giá trị tạm tính năm 2018	Sản phẩm	Đối tác
1.	Hợp đồng nguyên tắc số: HDNT2016/02/YB-NCA	Đến 31/12/2018	122.044	180.000	Bột đá siêu mịn	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu
2.	Hợp đồng nguyên tắc số 02/VNS-YBM/2017	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	5.579	7.500	Bột đá siêu mịn	Công ty CP Khoáng sản VNS Việt Nam
3.	Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/YBM-PMJ	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	5.941	7.000	Bột đá siêu mịn	Công ty Cổ phần PMJ
4.	Hợp đồng nguyên tắc số YBM/HĐNT/170204	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	7.792	9.000	Bột đá siêu mịn	Công ty TNHH Nguyên liệu công nghiệp Thăng Phạm
5.	Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/YBM-DAIA	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt	1.488	5.000	Bột đá siêu mịn	Công ty cổ phần Đại Á Plastic
6.	Hợp đồng nguyên tắc	Đến thời điểm hai bên thỏa thuận chấm	14.560	21.000	Bột đá siêu mịn	Jupiter Chemicals

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị thực hiện năm 2017	Giá trị tạm tính năm 2018	Sản phẩm	Đối tác
		dứt				
		Đến thời điểm				
7.	Hợp đồng nguyên tắc	hai bên thỏa thuận chấm dứt	10.631	14.200	Bột đá siêu mịn	Sarthak International
		Đến thời điểm				
8.	Hợp đồng nguyên tắc	hai bên thỏa thuận chấm dứt	2.952	1.000	Bột đá siêu mịn	Ram Prasad Traders
		Đến thời điểm				
9.	Hợp đồng nguyên tắc	hai bên thỏa thuận chấm dứt	3.101	10.000	Bột đá siêu mịn	POLY PIPES India PVT LTD

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh

(**) Công ty bắt đầu hoạt động từ 05 tháng 10 năm 2015 vì vậy số liệu tài chính được ghi nhận cho giai đoạn từ 05/10/2015 đến 31/12/2016.

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	% tăng/giảm	Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018
Tổng giá trị tài sản	87.815	265.944	202,85%	362.343

Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	% tăng/giảm	Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018
Vốn chủ sở hữu	45.693	130.876	186,42%	152.671
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.001	220.122	205,72%	146.937
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.693	29.732	178,05%	23.629
Lợi nhuận khác	-	(148)	N/A	60
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.693	29.584	176,67%	23.689
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.693	29.584	176,67%	21.663
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	29%	30%		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	46,80%	33,51%		15,28%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất quý II/2018 của YBM)

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	% tăng/giảm	Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018
Tổng tài sản	87.815	265.313	202,13%	361.701
Vốn chủ sở hữu	45.693	130.245	185,04%	152.055
Doanh thu thuần về	72.001	220.122	205,72%	146.937

Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	% tăng/giảm	Lũy kế từ đầu năm 2018 đến cuối quý II/2018
bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.693	29.850	179,15%	23.776
Lợi nhuận khác	-	(148)	N/A	60
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.693	29.702	177,77%	23.836
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.693	29.702	177,77%	21.810
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	29%	30%		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	46,80%	33,76%		15,45%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

Năm tài chính 2017, Công ty vừa sản xuất vừa đầu tư mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản từ đó năng công suất của công ty lên gấp 2,5 lần so với năm 2016, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu thị trường nước ngoài; do đó doanh thu của Công ty tăng lên khá nhiều; từ đó lợi nhuận cũng tăng lên.

Năm 2015-2016 là giai đoạn Công ty mới bắt đầu đi vào hoạt động và chạy thử để ra sản phẩm. Mặc dù giá trị doanh thu và lợi nhuận chưa cao nhưng bước đầu kết quả kinh doanh tương đối khả quan và thuận lợi. Trên cơ sở đó, năm 2017, Công ty đã tiếp tục đầu tư 02 Nhà máy giai đoạn 2 và giai đoạn 3 với tổng công suất 25.000 tấn/tháng, qua đó tăng năng lực sản xuất lên gấp 2,5 lần so với năm 2016. Cùng với đó, Công ty cũng đã tập trung đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm ở trong và ngoài nước. Đối với thị trường trong nước, khách hàng chính của Công ty là Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu (là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trên thị

trường trong ngành nhựa) đã bao tiêu phần lớn lượng hàng bán ra của Công ty. Đối với thị trường nước ngoài, Công ty đã tiêu thụ sản phẩm tại thị trường các nước như Ấn độ, Bangladesh, Trung Quốc... Tính trong năm 2017, sản lượng hàng hóa tiêu thụ của Công ty đạt 197 nghìn tấn, tăng 134% so với giai đoạn 2015-2016.

Bên cạnh việc doanh thu đạt tốc độ tăng trưởng cao (hơn 200%), lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2017 cũng đạt tốc độ tăng trưởng mạnh (177,77%) so với giai đoạn 2015-2016. Trong năm 2017, tỷ lệ Giá vốn hàng bán/doanh thu thuần đã được tiết giảm so với năm 2016 do Công ty đã đi vào giai đoạn hoạt động ổn định, năng suất được nâng cao dẫn đến chi phí giá thành giảm. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2017 tăng so với năm 2015-2016 nhưng tỷ trọng so với doanh thu thuần giảm từ 3,92% xuống còn 2,29%, cho thấy Công ty đã nỗ lực tối đa để tiết giảm chi phí. Chi phí tài chính năm 2017 tăng do Công ty đã gia tăng sử dụng nợ vay, tuy nhiên Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ trả nợ, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo cân bằng cán cân thanh toán của Công ty. Chi phí bán hàng năm 2017 có sự gia tăng đột biến so với năm 2015-2016 do có thay đổi về chính sách bán hàng. Nhìn chung, năm 2017, với việc doanh thu tăng trưởng mạnh và việc kiểm soát tốt các chi phí, lợi nhuận của Công ty cũng đã có sự tăng trưởng tương ứng, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng được cải thiện và tiếp tục được duy trì bền vững.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty tăng vốn chủ sở hữu lên hơn 152 tỷ đồng; doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 147 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt gần 22 tỷ đồng. Với việc tăng trưởng quý II/2018 và việc tăng sản lượng sản xuất trong thời gian tới, Công ty đã cho thấy sự quyết tâm hoàn thành kế hoạch trong năm 2018.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

➤ Các nhân tố thuận lợi

- Nhu cầu của thị trường: Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm nhựa ngày càng tăng cao.
- Tiêu thụ trong nước: Nhu cầu tiêu thụ Nhựa trong nước còn rất lớn với 93 triệu dân trong đó gần 50% là dân số trẻ là thị trường hết sức tiềm năng cho việc cung ứng các sản phẩm nhựa do những thuận lợi trong việc sử dụng và thói quen sử dụng Nhựa thay thế các vật liệu cho các vật liệu khác của tầng lớp dân số trẻ này...

- Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, các doanh nghiệp nhựa trong nước chỉ cung cấp được 20% - 30 % nguồn nguyên liệu nhựa trong nước, chủ yếu là PVC, PET, PP. Đối với nhựa PVC, PET, hiện có hai doanh nghiệp sản xuất với năng lực 300.000 tấn/năm. Với nguyên liệu nhựa PP, duy nhất có nhà máy tại Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150.000 tấn/năm. Còn lại, nước ta vẫn nhập khẩu 70% - 80% (khoảng 3 triệu tấn) nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất.
- Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và tỉnh Yên Bái (giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, ưu đãi thuế,...) và thuận lợi từ vị trí địa lý khi có thể dễ dàng tiếp cận nguồn nguyên liệu dồi dào tại mỏ đá Mông Sơn, Lục Yên
- Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái có cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu – công ty đã lọt top 5 các nhà sản xuất chất độn nhựa lớn nhất thế giới. Công ty Nhựa Châu Âu tăng trưởng mạnh qua các năm đồng thời kéo theo nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào là bột đá siêu mịn Cacbonat Canxi tăng cao. Hiện nay, YBM chuyên sản xuất các loại bột đá $CaCO_3$ để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp như nhựa, sơn, giấy, cao su, hóa mỹ phẩm,... Các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt.
- Đội ngũ CBNV của công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- Công ty đã đầu tư hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại nhập khẩu từ các nước.

➤ Các nhân tố khó khăn

- Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải một số khó khăn khi nguồn nguyên liệu của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách vĩ mô của Nhà nước về khai thác khoáng sản và hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô.
- Tại các thị trường xuất khẩu, Công ty phải cạnh tranh về giá bán với các nhà sản xuất khác và phải phát triển các dòng sản phẩm mới để đáp ứng yêu cầu của khách hàng về đa dạng hóa sản phẩm...
- Cơ cấu tổ chức hành chính thiếu linh hoạt, chậm thích nghi với sự thay đổi của thị trường, gây khó khăn cho việc phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Kể từ khi thành lập, Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái đã liên tục phát triển, mở rộng. Đến nay, trải qua quá trình phát triển với những kinh nghiệm được kế thừa từ Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu kết hợp với nguyên liệu dồi dào và chất lượng của vùng Yên Bái, YBM đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, vươn lên là nhà sản xuất các loại bột đá CaCO₃ cho ngành nhựa lớn nhất Việt Nam và được nhiều khách hàng biết đến là một nhà cung cấp “Uy tín – Chất lượng”.

Công ty là đơn vị chuyên sản xuất các loại bột đá CaCO₃ để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các đơn vị sản xuất nhựa khác nên các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều do hiện nay tỷ trọng nhập khẩu còn lớn, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt. Bên cạnh đó, các sản phẩm của Công ty được ưu tiên cung cấp làm nguyên vật liệu đầu vào cho nhu cầu không ngừng tăng lên cho các Nhà máy của Công ty cổ phần Nhựa Châu Âu – cổ đông lớn của Công ty, một phần bán ra thị trường cho các Công ty khác. Do đó, Công ty hầu như không có rủi ro về mặt thị trường.

Về nguồn nhân lực, Công ty có tổng cộng 175 nhân viên trong đó 14,28% có trình độ Đại học và trên Đại học, đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đều có kinh nghiệm, riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực sản xuất các loại bột đá CaCO₃, hạt nhựa và hạt phụ gia. Nhìn chung, đội ngũ Ban lãnh đạo của Công ty là những nhân sự lãnh đạo giỏi, có bề dày kinh nghiệm, có trình độ tổ chức quản lý và điều hành công việc hiệu quả, chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp. Với năng lực tài chính lành mạnh và đội ngũ cán bộ chuyên viên có năng lực chuyên môn cao. Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái có đầy đủ khả năng đưa công ty hoàn thành xuất sắc những kế hoạch đã đặt ra.

8.2. Triển vọng phát triển ngành

Hiện nay, Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các loại bột đá CaCO₃ để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp như nhựa, sơn, giấy, cao su, hóa mỹ phẩm hạt nhựa phụ gia. Đây là một lĩnh vực còn chưa thực sự phát triển ở Việt Nam, do đó số lượng đối thủ cạnh tranh là không nhiều. Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm nhựa ngày càng tăng cao. Nhu cầu tiêu thụ Nhựa trong nước còn rất lớn với 93 triệu dân trong đó gần 50% là dân số trẻ là thị trường hết sức tiềm năng cho việc cung ứng các sản phẩm nhựa do

những thuận lợi trong việc sử dụng và thói quen sử dụng Nhựa thay thế các vật liệu cho các vật liệu khác của tầng lớp dân số trẻ này...

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, các doanh nghiệp nhựa trong nước chỉ cung cấp được 20% - 30% nguồn nguyên liệu nhựa trong nước, chủ yếu là PVC, PET, PP. Đối với nhựa PVC, PET, hiện có hai doanh nghiệp sản xuất với năng lực 300.000 tấn/năm. Với nguyên liệu nhựa PP, duy nhất có nhà máy tại Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150.000 tấn/năm. Còn lại, nước ta vẫn nhập khẩu 70% - 80% (khoảng 3 triệu tấn) nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất.

Giá hạt nhựa được dự báo sẽ tăng nhẹ trong những tháng cuối năm, tuy nhiên sẽ duy trì xu hướng đi ngang. Nhật, Mỹ và EU là những thị trường tiềm năng lớn cho hoạt động xuất khẩu của các công ty ngành nhựa. Tại thị trường Mỹ, chỉ số nguyên liệu và hạt nhựa tham chiếu của thị trường Mỹ bắt đầu tăng nhẹ trong năm 2016 và năm 2017. Hạt nhựa PP trên thị trường Mỹ tiếp tục đà tăng, nguyên nhân chủ yếu do trước đó, nguồn cung hạt nhựa PP được thắt chặt, nhưng cho phép nhập khẩu thêm nguyên liệu từ khắp nơi trên thế giới vào thị trường khiến giá bị đẩy xuống. Hiện tại, mặc dù nguyên liệu nhập khẩu vào khu vực vẫn có, tuy nhiên đã giảm, cho phép giá PP tăng trở lại. Bên cạnh đó, các thị trường khác, giá hạt nhựa PE, PP tại Thổ Nhĩ Kỳ của tháng 11 đã tăng so với các tháng trước do chịu áp lực từ việc lợi nhuận kém hơn các thị trường khác. Do đó, tạo ra cơ hội phát triển sản xuất và hoạt động kinh doanh của Công ty sang các nước EU, UAE, Ấn Độ, Nga..., do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến hạt nhựa phụ gia, khai thác và chế biến bột đá, đây là một thị trường còn mới và rất tiềm năng khi nhu cầu trong và ngoài nước tăng cao. Hiện tại, có một số doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, vì vậy chúng tôi sử dụng số liệu tài chính của các công ty trong ngành đang niêm yết để so sánh với YBM. Đó là các công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu.

❖ Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP) tiền thân là Công ty CP Khoáng Sản Pha Lê, được thành lập vào năm 2008. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất bột đá CaCO₃, các chất độn phụ gia ngành nhựa. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE

với vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng.

❖ Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (HII) được thành lập vào năm 2009, là 1 thành viên của Công ty cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất hạt phụ gia CaCO₃ cho ngành nhựa. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với vốn điều lệ là 136.000.000.000 đồng.

❖ Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (AMC) được thành lập ngày 18/12/2007. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu bột đá trắng siêu mịn. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HNX với vốn điều lệ là 28.500.0000.000 đồng

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên được so sánh với Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái theo bảng dưới đây:

Bảng 12: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành với YBM

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (HII)	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (AMC)	CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (YBM)
Doanh thu thuần	314.065.840.952	1.330.750.455.348	147.497.010.879	220.121.698.245
Lợi nhuận sau thuế	51.724.339.456	61.575.642.850	12.058.307.535	29.583.982.646
Nguồn vốn chủ sở hữu	203.623.908.648	306.324.791.089	50.484.205.549	130.876.377.805
Số cổ phiếu	12.500.000	11.100.000	2.850.000	10.000.000

Chỉ tiêu	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (HII)	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (AMC)	CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (YBM)
EPS	4.138	5.547	4.231	4.383

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của các Công ty)

So với các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ và nguyên vật liệu cho ngành nhựa thì Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái có tuổi đời mới so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Tuy nhiên với sự tâm huyết của Ban lãnh Công ty cùng với kinh nghiệm, quản trị sản xuất kinh doanh của cổ đông lớn – Công ty CP Nhựa Châu Âu và những chiến lược táo bạo để phát triển trong tương lai, quy mô phát triển của YBM là rất lớn. Trong quý II năm 2018, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên **129,9 tỷ đồng** nhằm tăng quy mô cạnh tranh trên thị trường và mở rộng hệ thống nhà xưởng, máy móc hiện đại nhằm gia tăng sản lượng sản xuất cũng như cắt giảm chi phí do hệ thống cũ đem lại. Doanh thu năm 2018 dự kiến đạt 400 tỷ đồng, LNST ước đạt 63 tỷ đồng. Đây là mức kế hoạch mà Ban lãnh đạo Công ty đánh giá khả thi và phù hợp với tình hình phát triển của Công ty. Hiện tại, Công ty đang giao dịch với mức EPS đạt 4.383 đồng/cổ phiếu, đây là mức trung bình so với ngành sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ và hạt nhựa hiện nay.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Công nghiệp khai thác và sản xuất khoáng sản là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, các Công ty hoạt động trong lĩnh vực này lại chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách của Nhà nước như định hướng phát triển ngành trong từng thời kỳ, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế....

Các định hướng phát triển chiến lược, cũng như các dự án đầu tư của Công ty được xác định trên cơ sở quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xu thế chung của thế giới. Định hướng của Công ty là tận dụng mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hệ thống, nhằm chuyên môn hóa

lĩnh vực khai thác đá trắng với mục đích xây dựng Công ty thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá trắng tại Việt Nam.

Bột đá CaCO₃ - sản phẩm chính của Công ty là sản phẩm có khả năng ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực từ vật liệu xây dựng, sản xuất giấy, bao bì, lớp xe đến thức ăn chăn nuôi, nhu cầu trong nước là khá lớn. Bên cạnh đó, nhờ các mỏ đá trắng tại Việt Nam đều có độ trắng tinh khiết cao nên sản phẩm bột đá rất được các thị trường xuất khẩu ưa chuộng. Khu công nghiệp và nhà máy sản xuất của Công ty đều được đặt tại Yên Bái, một trong hai nơi có nguồn khai thác đá tự nhiên với chất lượng ổn định và đảm bảo nguồn cung dồi dào. Do đó, sự gia tăng trong nhu cầu trong và ngoài nước, Công ty sẽ vẫn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu để khai thác và chế biến.

Bên cạnh đó, sản phẩm bột đá của Công ty được sản xuất theo mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với đội ngũ nhân lực được đào tạo chuyên sâu, các kỹ sư của nhà máy thường xuyên được huấn luyện bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm và làm chủ dây chuyền và xử lý trong các trường hợp gặp sự cố. Quy trình sản xuất luôn tuân thủ để đảm bảo tạo ra các sản phẩm chất lượng cao để phát huy tối đa hiệu quả chuyên môn hóa lĩnh vực khai thác đá trắng nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho cổ đông, Nhà nước và cho Công ty.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Bảng 13: Số lượng người lao động trong Công ty tính tới thời điểm 30/06/2018

TT	Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ lao động	175	100%
-	Đại học và trên đại học	25	14,28%
-	Cao đẳng, trung cấp	16	9,14%
-	Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	21	12%
-	Lao động chưa qua đào tạo	113	64,58%
II	Phân theo tính chất lao động	175	100%
-	Lao động gián tiếp	39	22,28%

TT	Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
-	Lao động trực tiếp	140	77,72%
III	Phân theo giới tính	175	100%
-	Nam	112	64%
-	Nữ	63	36%

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, bảo hiểm xã hội

➤ Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Công ty cũng đảm bảo thực hiện chế độ làm việc, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ và các chế độ liên quan cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước. Những CBNV có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên hàng năm được nghỉ 12 ngày làm việc. Số ngày nghỉ hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc, cứ đủ 5 năm làm việc thì được nghỉ thêm 1 ngày. Những CBNV có thời gian làm việc dưới 12 tháng thì thời gian nghỉ hàng năm được tính theo tỷ lệ tương đương với số tháng làm việc trong năm.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

➤ Chính sách tuyển dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty luôn có các chính sách thu hút nhân tài và tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc.

➤ Chính sách đào tạo

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nội dung và hình thức đào tạo: Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ. Hướng tới tổ chức các lớp học nâng cao kỹ năng chuyên môn. Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

➤ Chính sách lương thưởng phúc lợi

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch,... tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 18% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số

28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Bảng 14: Tỷ lệ chia cổ tức của Công ty trong các năm 2016, 2017

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức
2016	29%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2017	30%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 06/04/2018 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức là 30% Vốn điều lệ.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

(**) Công ty bắt đầu hoạt động từ 05 tháng 10 năm 2015 vì vậy số liệu tài chính được ghi nhận cho giai đoạn từ 05/10/2015 đến 31/12/2016.

➤ Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng năm tài chính bắt đầu từ ngày 05/10/2015 đến ngày 31/12/2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

➤ Trích khấu hao Tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định hữu hình	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10

(Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của YBM)

➤ **Mức lương bình quân**

Năm 2017, Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty đạt 8.500.000 đồng/người/tháng.

➤ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

➤ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

➤ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Hiện tại, Công ty đang có sự tăng trưởng nóng kèm theo nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản lớn để phục vụ sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Do đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Công ty không trích lập các quỹ để tăng vốn chủ sở hữu nhằm tăng trưởng quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Tổng dư nợ vay**

Ghi chú: Các khoản vay và nợ thuê tài chính hiện tại của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái là của Công ty mẹ.

Bảng 15: Tình hình các khoản vay của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.992	98.850	134.822
1	Vay ngắn hạn	19.320	91.858	133.476
	<i>Trong đó:</i>			
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.321	56.221	84.469
	- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.999	35.637	49.007
2	Nợ dài hạn đến hạn thanh toán	2.672	6.992	1.347
	<i>Trong đó:</i>			
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	320	160
	- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	300	150
	- Nợ thuê tài chính đến hạn thanh toán	2.672	6.372	1.037
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.976	13.108	34.694
1	Vay ngân hàng	9.161	1.520	1.520
	<i>Trong đó:</i>			
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.120	1.120
	- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	9.161	400	400

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
2	Nợ thuê tài chính	4.815	11.588	33.174
	Tổng cộng	35.968	111.958	169.516

(Nguồn: BCTC hợp nhất, BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất, BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

Dư nợ vay và nợ thuê tài chính của Công ty có sự tăng đột biến từ gần 36 tỷ đồng (năm 2016) đến gần 112 tỷ đồng (năm 2017). Các khoản vay của Công ty chủ yếu là vay ngắn hạn, có tài sản đảm bảo tại 2 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Các khoản vay này được sử dụng với mục đích mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; trang trải chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí bán hàng cho việc mở rộng, tăng năng suất sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017. Tính đến hết quý II/2018, dư nợ vay và nợ thuê tài chính của Công ty là 169,5 tỷ đồng; tập trung chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (hơn 133 tỷ đồng) và các khoản nợ thuê tài chính dài hạn (trên 33 tỷ đồng). Hiện tại, Công ty không có khoản vay quá hạn nào ở các ngân hàng.

➤ Tình hình khoản nợ phải trả hiện nay

Bảng 16: Các khoản nợ phải trả hợp nhất của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
I	Nợ ngắn hạn	28.146	121.960	174.978
1	Phải trả người bán ngắn hạn	5.823	21.289	33.320
	<i>Trong đó</i>			
	- CTCP Nhựa Châu Âu	47	1.719	5.238
	- CTCP Quốc tế Khoáng sản Việt Nam	-	6.585	6.960
	- Công ty TNHH vận tải Minh Tuyên	-	1.053	2.278

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
	- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải & TM Đức Long	1.198	954	2.292
	- Các nhà cung cấp khác	4.486	10.978	16.551
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	242	1.559	3.075
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	90	18	2.045
4	Phải trả người lao động	-	-	1.264
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	124	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	119	453
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.992	98.850	134.822
II	Nợ dài hạn	13.976	13.108	34.694
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.976	13.108	34.694
	Tổng cộng	42.122	135.068	209.672

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất Quý II/2018 của YBM)

Năm 2017, giá trị khoản vay và nợ thuê tài chính tăng mạnh do Công ty đầu tư thêm 02 dây chuyền máy nghiền thủy lực.

Bảng 17: Các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
I	Nợ ngắn hạn	28.146	121.960	174.952
1	Phải trả người bán ngắn hạn	5.823	21.289	33.294
	<i>Trong đó</i>			

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
-	CTCP Nhựa Châu Âu	47	1.719	5.238
-	CTCP Quốc tế Khoáng sản Việt Nam	-	6.585	6.960
-	Công ty TNHH vận tải Minh Tuyên	-	1.053	2.278
-	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải & TM Đức Long	1.198	954	2.292
-	Các nhà cung cấp khác	4.486	10.978	16.525
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	242	1.559	3.075
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	90	18	2.045
4	Phải trả người lao động	-	-	1.264
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	124	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	119	453
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.992	98.850	134.822
II	Nợ dài hạn	13.976	13.108	34.694
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.976	13.108	34.694
Tổng cộng		42.122	135.068	209.646

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

Công ty luôn thực hiện thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn. Hiện nay, Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán.

➤ **Tình hình khoản phải thu hiện nay**

Bảng 18: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	17.387	87.706	139.272
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	11.991	46.384	63.314
	<i>Trong đó:</i>			
	- CTCP Nhựa Châu Âu	7.318	18.071	21.731
	- CTCP Polyfill	-	4.114	15.137
	- CTCP Latca Việt Nam	1.253	248	48
	- CTCP Khoáng sản VNS Việt Nam	659	2.296	2.281
	- Các khách hàng khác	2.761	21.655	24.118
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	396	36.817	71.562
	<i>Trong đó:</i>			
	- Guilin Hongcheng mining equipment Manufacture Co.,Ltd	56	9.614	22.519
	- Shanghai Shibang Machinery Sales Co.,Ltd	10	3.657	17.422
	- CTCP Phúc Tâm Tài	-	5.150	-
	- CTCP ĐTXD và SX SunEco	-	9.500	9.500
	- Các tổ chức, cá nhân khác	330	8.897	22.122
3	Phải thu ngắn hạn khác	5.000	4.505	4.395
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tạm ứng	-	277	141
	- Ký quỹ, ký cược	4.500	-	-
	- Ứng trước tiền đền bù GPMB	-	4.226	4.226

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
	- Phải thu khác	500	1	27
II	Các khoản phải thu dài hạn	677	16.329	14.879
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	677	16.329	14.879
	<i>Trong đó:</i>			
	- Ký quỹ, ký cược	677	1.254	1.254
	- CTCP Xây dựng và Thương mại Huy Hà	-	7.480	7.480
	- CTCP Thiết bị và Dịch vụ Điện tử Viễn Thông	-	7.595	6.145
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
	Tổng cộng	18.064	104.035	154.151

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất quý II/2018 của YBM)

Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng mạnh trong năm 2017 do Công ty trả trước cho các nhà cung cấp tiền mua 02 dây chuyền máy nghiền thủy lực; thực hiện xây dựng nhà máy, xưởng, sân bê tông của Nhà máy giai đoạn 3 và Nhà máy giai đoạn 4 của Công ty.

Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty mẹ giai đoạn 05/10/2015 – 30/06/2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	17.387	78.206	129.772
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	11.991	46.384	63.314
	<i>Trong đó:</i>			
	- CTCP Nhựa Châu Âu	7.318	18.071	21.731

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
	- CTCP Polyfill	-	4.114	15.137
	- CTCP Latca Việt Nam	1.253	248	48
	- CTCP Khoáng sản VNS Việt Nam	659	2.296	2.281
	- Các khách hàng khác	2.761	21.655	24.118
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	396	27.317	62.062
	<i>Trong đó:</i>			
	- Guilin Hongcheng mining equipment Manufacture Co.,Ltd	56	9.614	22.519
	- Shanghai Shibang Machinery Sales Co.,Ltd	10	3.657	17.422
	- CTCP Phúc Tâm Tài	-	5.150	-
	- Các tổ chức, cá nhân khác	330	8.897	22.122
3	Phải thu ngắn hạn khác	5.000	4.505	4.395
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tạm ứng	-	277	141
	- Ký quỹ, ký cược	4.500	-	-
	- Ứng trước tiền đền bù GPMB	-	4.226	4.226
	- Phải thu khác	500	1	27
II	Các khoản phải thu dài hạn	677	1.254	1.254
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	677	1.254	1.254
	<i>Trong đó:</i>			
	- Ký quỹ, ký cược	677	1.254	1.254

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
Tổng cộng		18.064	79.460	131.026

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản hợp nhất của Công ty giai đoạn 2016 – 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016 (**)	Năm 2017
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,24
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,88
Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0,48	0,51
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,92	1,03
Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,12	4,94
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	1,64	1,24
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14,85	13,44
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,40	33,51
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	12,18	16,73
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh /Doanh thu thuần	%	14,85	13,51

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất đã

*kiểm toán năm 2017 của YBM)***Bảng 21: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty mẹ giai đoạn 2016 – 2017**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016 (**)	Năm 2017
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,80
Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ /Tổng tài sản	Lần	0,48	0,51
Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	0,92	1,04
Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,12	4,94
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,64	1,25
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14,85	13,49
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,40	33,76
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,18	16,82
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh /Doanh thu thuần	%	14,85	13,56

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 của YBM)

Hiện tại Công ty đang sử dụng vốn vay cho mục đích mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; trang trải chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí bán hàng,... Phần nợ thuê tài chính được dùng để đầu tư xây dựng cơ bản. mua sắm tài sản cố định. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn kinh doanh tăng trưởng mạnh khi chỉ số ROE năm 2017 đạt 33,51%, chỉ số ROA đạt 16,73%, trong khi đó lãi suất vay vốn và nợ thuê tài chính bình quân của năm 2017 là từ 4,5% đến 8%, thấp hơn tỷ suất sinh lời của tài sản. Như vậy, Công ty sử dụng nợ vay trong giai đoạn tăng trưởng mạnh nhằm

tận dụng lợi thế của đòn bẩy tài chính khi tối đa hóa việc sinh lợi tài sản cho Công ty. Cùng với đó, với chỉ số thanh toán hiện hành năm 2017 (tài sản lưu động/nợ ngắn hạn) là 1,24 lần, cho thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, Công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Quốc Huy	Chủ tịch HĐQT
2	Huỳnh Song Trà	Thành viên HĐQT độc lập
3	Hoàng Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
4	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
5	Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

Sơ yếu lý lịch các thành viên

➤ Ông Hoàng Quốc Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 20/02/1968
 - Số CMND : 015068000001
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Quê quán : Vĩnh Phúc
 - Địa chỉ thường trú : Số 40K3, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Đại học
 - Quá trình công tác :
- | | |
|-----------|--------------------|
| Thời gian | Quá trình công tác |
|-----------|--------------------|

1993-2006	Công ty Liên doanh Thiết bị viễn thông Hcatel
2006-2010	Công ty CP Điện tử viễn thông
2011 đến nay	Công ty CP Nhựa Châu Âu, Công ty Cổ phần xuất khẩu lao động thương mại và du lịch,
2015 đến nay	Công ty CP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái
2016 đến nay	Công ty CP Polyfill

- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Chủ tịch hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Châu Âu, Chủ tịch HĐQT các Công ty: Công ty Cổ phần xuất khẩu lao động thương mại và du lịch, Công ty cổ phần Cổ phần Polyfill.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 2.990.000 cổ phần (tương ứng với 23% Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 2.990.000 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

➤ **Ông Huỳnh Song Trà - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/07/1973
- Số CMND : 011670339
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : Số 38 ngách 5, ngõ 259, Phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Quá trình công tác
1993-2010	Công ty TNHH Viễn thông ANSV
2010-T11/2014	VNPT Technology
T12/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa châu Âu (Phó TGD)
T10/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái
- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Thành viên hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- **Ông Hoàng Văn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị**
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 29/5/1972
 - Số CMND : 012165459
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Quê quán : Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
 - Địa chỉ thường trú : Tập thể đại học Thương mại, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Quá trình công tác
1993 – 1994	Công tác tại Khách sạn Việt Long - Hai Bà Trưng - Hà Nội
1995 – 1997	Công tác tại Công ty Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Bitis)
1997 – 1998	Công tác tại Trung tâm Tư vấn, Tiếp thị và Đào Tạo
1998 – 2000	Chuyên viên tại Trung tâm Đào tạo, Cung ứng lao động ngoài nước và Dịch vụ
2000 – 2003	Trưởng Bộ phận Đài Loan tại Trung tâm Đào tạo, Cung ứng lao động ngoài nước và Dịch vụ
2004 – 2005	Phó Giám đốc tại Công ty Xuất khẩu lao động và Du lịch
2006 – 2010	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động Thương mại và Du lịch
2010 – 9/2016	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động Thương mại và Du lịch
09/2016 – đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công tác tại Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động Thương mại và Du lịch
04/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái
- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Thành viên hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Bí Thư Chi bộ, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động Thương Mại và Du Lịch (Công ty TTLC)
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

➤ **Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 02/06/1976
 - Số CMND : 033076000149
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Quê quán : Hưng Yên
 - Địa chỉ thường trú : P204-A5, TTCC số 1, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ - chuyên ngành Quản lý kinh tế
 - Quá trình công tác :
- | Thời gian | Quá trình công tác |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1999 – 2002 | GD chi nhánh Công ty sản xuất thương mại Vạn Thành |
| 2002 – 2006 | Chuyên viên – Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam - Ủy ban Dân số Gia đình trẻ em Việt Nam |
| 2006 – 2007 | Chuyên viên Bộ Lao động thương binh xã hội |
| 2008 – 2015 | TGD – Công ty CP Khoáng sản công nghiệp Miền Bắc |
| 2015 đến nay | TGD – Công ty CP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái |
- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Thành viên hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
 - Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 100.000 cổ phần (tương ứng với 0,77 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

➤ **Ông Hoàng Anh Quân - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/02/1987
- Số CMND : 135239877
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Thôn Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : Thôn Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :

Thời gian	Quá trình công tác
5/2011 – 12/2011	Giám đốc Cty CP Giải trí RP Media
6/2013 -12/2013	P/P KD Miền Bắc Cty CP Nhựa Châu Âu
1/2014 -12/2014	T/P KD Miền Bắc Cty CP Nhựa Châu Âu
1/2015 - 8/2015	T/P KD Nội Địa Cty CP Nhựa Châu Âu
9/2015 – 4/2016	P.TGD Cty CP Sản Xuất Điện Tử Thành Long
5/2016 – 11/2016	TGD Cty CP Sản Xuất Điện Tử Thành Long

12/2016 – đến nay

P. TGD Cty CP Khoáng Sản Công Nghiệp Yên Bái

- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Thành viên hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 60.000 cổ phần (trùng ứng với 0,46 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Anh Quân	Phó Tổng Giám đốc

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

➤ Ông Nguyễn Tiến Dũng - Tổng Giám đốc

(Vui lòng xem thông tin trong phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)

➤ Ông Hoàng Anh Quân - Phó Tổng Giám đốc

(Vui lòng xem thông tin trong phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)

12.3. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát

2	Nguyễn Văn Don	Kiểm soát viên
3	Mai Việt Cường	Kiểm soát viên

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

➤ Ông Lê Anh Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/09/1988
- Số CMND : 172925596
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : P2908, tòa C Vinaconex 2, Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :

Thời gian	Quá trình công tác
2010 – 2014	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
2016 – 2017	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hà Long
2017 đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái
- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

➤ **Ông Nguyễn Văn Don - Thành viên Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/05/1988
- Số CMND : 001088021095
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Quá trình công tác
07/2010 đến tháng 07/2015	Trợ lý kiểm toán viên, Thẩm định viên – Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá AAFC
08/2015 đến tháng 12/2016	Chuyên viên ban TCKT - Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam
01/2017 đến nay	Thành viên BKS: Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu
04/2017 đến nay	Thành viên BKS: Công ty Cổ phần Khoáng sản Yên Bái

- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát – Công ty CP Nhựa Châu Âu
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

➤ **Ông Mai Việt Cường - Thành viên Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 06/05/1987
 - Số CMND : 131685301
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Quê quán : Đại Phạm – Hạ Hòa – Phú Thọ
 - Địa chỉ thường trú : Đại Phạm – Hạ Hòa – Phú Thọ
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Trung cấp Hóa phân tích
 - Quá trình công tác :
- | Thời gian | Quá trình công tác |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 01/2010 – 06/2011 | Nhân viên phòng KSCL Công ty Mông Sơn |
| 06/2011 – 05/2014 | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng KSCL Công ty phát triển số 1 |
| 06/2014 – 10/2015 | Phụ trách sản xuất Công ty Vinavico |
| 01/2016 đến nay | Trưởng phòng KSCL Công ty YBM |
- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng
 - Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % Vốn điều lệ).

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12.4. Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch:

- Họ và Tên : Nguyễn Thị Ngọc Minh
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 19/09/1985
 - Số CMND : 012460904
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Quê quán : Huyện Ninh Giang, Hải Dương
 - Địa chỉ thường trú : Thôn Đậu 1, Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 - Quá trình công tác :
- | Thời gian | Quá trình công tác |
|-------------------|---------------------------------------------------------------|
| 10/20018- 12/2010 | Kế toán công ty Cổ phần cơ khí chính xác 3D |
| 01/2011 – 07/2016 | Kế toán trưởng công ty cổ phần ITC |
| 08/2016 đến nay | Kế toán trưởng công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái |
- Chức vụ hiện tại tại Công ty : Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 30.000 cổ phần (tương ứng với 0,23 % Vốn điều lệ).
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang sở hữu bởi những người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13. Tài sản

(**) Công ty bắt đầu hoạt động từ 05 tháng 10 năm 2015 vì vậy số liệu tài chính được ghi nhận cho giai đoạn từ 05/10/2015 đến 31/12/2016.

Bảng 22: Tình hình tài sản hợp nhất của Công ty giai đoạn 05/10/2015 - 30/06/2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tài sản	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
1	Hàng tồn kho	8.949	43.382	58.633
2	Tài sản cố định hữu hình	38.543	50.380	50.323
	<i>Nguyên giá</i>	<i>40.593</i>	<i>55.051</i>	<i>56.817</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(2.050)</i>	<i>(4.670)</i>	<i>(6.494)</i>
3	Tài sản cố định thuê tài chính	12.509	21.516	20.766
	<i>Nguyên giá</i>	<i>12.650</i>	<i>22.501</i>	<i>22.501</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(141)</i>	<i>(985)</i>	<i>(1.735)</i>
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	21.613	30.970
5	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	6.000
	Tổng cộng	60.001	136.891	166.692

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất quý II/2018 của YBM)

Bảng 23: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tài sản	Năm 2016 (**)	Năm 2017	Quý II/2018
1	Hàng tồn kho	8.949	43.382	58.633
2	Tài sản cố định hữu hình	38.543	50.262	50.205
	<i>Nguyên giá</i>	<i>40.593</i>	<i>54.881</i>	<i>56.647</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(2.050)</i>	<i>(4.619)</i>	<i>(6.443)</i>
3	Tài sản cố định thuê tài chính	12.509	21.516	20.766
	<i>Nguyên giá</i>	<i>12.650</i>	<i>22.501</i>	<i>22.501</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(141)</i>	<i>(985)</i>	<i>(1.735)</i>
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	13.021	21.963
5	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	6.000
	Tổng cộng	60.001	128.181	157.567

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC riêng quý II/2018 của YBM)

❖ **Danh mục máy móc thiết bị, nhà xưởng có giá trị lớn tại 30/06/2018**

TT	Danh mục máy móc thiết bị, nhà xưởng	Hiện trạng (% mới)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng (chiếc)
1	Hệ thống máy nghiền và thiết bị điều khiển	100%	20,1	8
2	Hệ thống máy tráng phủ	100%	7,52	3
3	Hệ thống dây chuyền nghiền thô	100%	4,87	2
4	Hệ thống trạm biến áp	100%	7.06	4
5	Hệ thống nhà xưởng, nhà kho GD 1	100%	9,5	1

6	Hệ thống nhà xưởng, nhà kho GD2	100%	16,2	1
7	Xe nâng, xe xúc lật	100%	4,6	8

(Nguồn: YBM)

❖ **Danh mục xây dựng cơ bản dở dang:**

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Hạng mục	Giá trị	Hoàn thành
1	Trạm biến áp	1,7	Quý 2/2018
2	Dây chuyền máy rửa đá	4,3	Quý 2/2018
3	Nhà xưởng	2,7	Quý 2/2018
4	Phụ trợ máy nghiền	1,3	Quý 2/2018

(Nguồn: YBM)

❖ **Danh mục đất đai:**

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất	Ghi chú
1	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	64.596,8 m ²	50 năm	Xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá CaCO ₃	Đất thuê trả tiền hàng năm
2	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	48.136,4 m ²	50 năm	Xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical, sản xuất bột đá CaCO ₃	Đất thuê trả tiền hàng năm

(Nguồn: YBM)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 – 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2018	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu	160.000	60%	160.000	0%	200.000	25%
Doanh thu thuần	400.000	81,7%	500.000	25%	715.000	43%
Lợi nhuận sau thuế	63.000	113%	70.000	11,11%	85.000	21,42%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	15,75%	2,26%	14%	-1,75%	11,88%	-2,11
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	39,37%	9,67%	43,75%	4,38%	42,5%	-1,25%
Tỷ lệ trả cổ tức	35%	16,67%	35%	0%	35%	0%

(Nguồn: Công ty Cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái)

14.2. Căn cứ và giải pháp thực hiện kế hoạch

➤ Căn cứ xác định kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất với việc hoàn thành Nhà máy sản xuất bột đá CaCO₃ giai đoạn 3 nâng công suất bột đá CaCO₃ lên 360.000 tấn /năm. Hiện tại, Công ty đã tích cực cải tiến máy móc, nâng cao năng suất lao động, dây chuyền máy móc mới lắp đặt có

công suất lớn hơn so với dây chuyền cũ, đảm bảo tăng sản lượng, giảm chi phí, giúp tăng lợi nhuận. Công ty đang thực hiện xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO₃ trên lô đất mới với tổng diện tích 4,4ha với công suất hạt nhựa Taical là: 99.000 tấn/năm và công suất bột đá CaCO₃ là: 150.000 tấn/năm.

Năm 2018 Công ty đưa vào vận hành nhà máy Giai đoạn 3 với 2 máy thủy lực có công suất 12.000 tấn/tháng và đầu tư nhà máy Giai đoạn 4 công suất 20.000 tấn/ tháng. Do đó dự kiến sản lượng sản xuất năm 2018 của Công ty tăng lên 350.000 tấn/ năm. Đồng thời với số lượng khách hàng trong và ngoài nước nhiều và cam kết số lượng lớn như Công ty cổ phần Nhựa Châu Âu giá trị dự kiến 180 tỷ, Công ty CP Khoáng sản VNS Việt Nam giá trị dự kiến 7,5 tỷ, Công ty TNHH Nguyên liệu Công nghiệp Thăng Phạm giá trị dự kiến 9 tỷ. Công ty tăng sản lượng lên cao thì đồng thời cũng giảm giá thành do các hạng mục tài sản dùng chung, giảm tỷ lệ chi phí gián tiếp để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018-2019.

Trong nửa đầu năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư đưa vào đầu tư Nhà máy 4 với 5 máy nghiền thủy lực bổ sung công suất 150.000 tấn/ năm. Cung cấp bổ sung cho khách hàng lớn là Công ty CP Nhựa Châu Âu đang tăng trưởng nóng trong các năm qua, đồng thời nâng công suất đi đến giảm giá thành và tăng cường xuất khẩu sang các thị trường quen thuộc mà YBM đã có thương hiệu lớn là Ấn độ, Bangladesh. Trong năm 2018, công ty đẩy mạnh tham gia tìm kiếm các thị trường rộng lớn khác là Trung Quốc, Srilanka, South africa ...

Đồng thời năm 2018, Công ty đi vào khai thác đá hoa làm bột đá CaCO₃ tại mỏ đá thuộc khu vực xã Minh Tiến 1, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái. Mỏ đá có trữ lượng 12.470.994 m³ và thời gian khai thác đến năm 2041. Do đó, Công ty chủ động đường nguồn hàng nguyên liệu chính đồng thời tiết kiệm được chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh. Góp một phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hợp nhất toàn Công ty.

Đến ngày 30/6/2018, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt tương ứng gần 147 tỷ đồng và 22 tỷ đồng. Cùng với đó, Quý II/2018 Công ty đã đưa vào vận hành nhà máy Giai đoạn 3 và Giai đoạn 4 với tổng công suất 32.000 tấn/tháng, dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận khả quan trong 6 tháng cuối năm 2018, qua đó đảm bảo hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã đặt ra.

➤ Giải pháp thực hiện kế hoạch

▪ Giải pháp về nguồn vốn

Công ty tiếp tục sử dụng tối ưu nguồn vốn từ đi vay đồng thời tăng vốn chủ sở hữu thêm 30 tỷ đồng để thực hiện đầu tư thêm nhà máy mới trong giai đoạn tiếp theo, nâng cao năng suất của toàn bộ Công ty.

▪ Giải pháp về quản lý tài chính

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế nhằm thu hút sự quan tâm của khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ mà Công ty cung cấp, từ đó nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư; Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; Thực hiện tiết giảm chi phí, bảo toàn và phát triển vốn; sử dụng vốn hợp lý, luân chuyển vốn nhanh, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết và cụ thể tránh để đọng vốn và khách hàng chiếm dụng vốn...

- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực về tài chính, đặc biệt là tạo dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để nhận được sự hỗ trợ về vốn.

- Không đầu tư dàn trải, chú trọng việc đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị và công nghệ đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

▪ Giải pháp về tổ chức, quản lý

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty Cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả; Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp; Tiếp tục liên kết với các đối tác chiến lược có thế mạnh và uy tín để cùng phát triển; Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý của Công ty, tạo sự đồng bộ, thống nhất, đảm bảo hài hòa lợi ích, tạo sự công bằng và dân chủ trong nội bộ Công ty, giữa tập thể và

cá nhân người lao động.

- Tiến hành phân cấp quản lý mạnh, phân định trách nhiệm giữa cấp trên và cấp dưới; Phát huy quyền tự chủ của người lao động, đồng thời nâng cao hiệu lực trong công tác quản lý điều hành của Công ty.

▪ **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Sắp xếp đào tạo đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất thích ứng nhanh chóng với quy trình công nghệ mới của các sản phẩm.

- Xác định rõ những yêu cầu về trình độ của người lao động đối với tất cả các công việc, tạo thuận lợi cho việc tuyển chọn cũng như đào tạo lại, tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và năng lực hàng năm cho công nhân viên cũng như tổ chức đào tạo lớp kế cận cho đội ngũ lãnh đạo của Công ty.

- Đào tạo về cán bộ quản lý cấp trung với nội dung chủ yếu là các kỹ năng hoạch định; tổ chức, quản lý, kiểm soát công việc hiệu quả, công tác chỉ huy triển khai và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch... kỹ năng quản lý con người trong sản xuất.

- Đào tạo cán bộ kỹ thuật: Kỹ năng quản lý chất lượng trong sản xuất, quản lý kỹ thuật tốt, nâng cao khả năng nghiên cứu phát triển kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, hợp lý hóa sản xuất, về ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp làm việc với khách hàng nước ngoài... chú trọng đội ngũ nghiên cứu thiết kế mẫu mã sản phẩm.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thị trường: Kỹ năng đánh giá khách hàng, kỹ năng phát triển thị trường, công tác marketing quảng bá sản phẩm....

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh

doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm 2018 và 2019 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng Một cổ phần)

3. Mã chứng khoán

YBM

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

12.999.938 cổ phần

5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

- Căn cứ Điều 1 Khoản 1 Điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty; cổ

đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Theo đó, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty sở hữu 190.000 cổ phiếu. Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu, là những cổ đông lớn, là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị của YBM, có đại diện sở hữu 2.990.000 cổ phiếu.

Thông tin về việc cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

STT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo
	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu		
1	- Đại diện sở hữu: Ông Hoàng Quốc Huy – Chủ tịch HĐQT	2.990.000	1.495.000
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	100.000	50.000
3	Ông Hoàng Anh Quân	60.000	30.000
4	Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	30.000	15.000
	Tổng cộng	3.180.000	1.590.000

- Căn cứ Tại khoản Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014 quy định trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Vì vậy, Tổng số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 2.400.000 cổ phiếu, chiếm 18,46 % trên vốn điều lệ

của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ trong thời hạn 3 năm	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu - Đại diện sở hữu: Ông Hoàng Quốc Huy – Chủ tịch HĐQT	2.300.000	Đến ngày 05/10/2018
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	100.000	Đến ngày 05/10/2018
Tổng cộng		2.400.000	

6. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định theo giá trung bình có tính đến trọng số của các phương pháp tính giá khác nhau:

❖ Giá trị sổ sách của cổ phiếu:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu YBM như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	45.693.306.100	130.876.377.805
Tài sản cố định vô hình (B)	0	0
Số lượng cổ phần đang lưu hành (Cổ phần)	3.500.000	10.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = [(A)-(B)]/Cổ phiếu (đồng/cổ phần)	13.055	13.088

❖ Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần – Price/Earnings (P/E)

Theo phương pháp này, giá trị sổ sách một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E_{bqñ}$$

Trong đó:

- + **P**: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- + **EPS**: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu
- + **P/E_{bqñ}**: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty cùng ngành đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ số P/E được tính toán bằng giá trị P/E bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu YBM = P/E trung bình * EPS (YBM)

Chỉ tiêu	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (HII)	CTCP Khoáng sản Á Châu (AMC)	CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (YBM)
Giá đóng cửa của cổ phiếu trong phiên giao dịch ngày 31/7/2018 (đồng)	13.250	17.750	19.200	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31/12/2017	4.138	5.547	4.231	4.383
Hệ số P/E	3,20	3,20	4,54	
Hệ số P/E trung bình	3,65			

(Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán 2017 của các Công ty)

Giá cổ phiếu YBM = Hệ số P/E trung bình * Lãi cơ bản trên cổ phiếu (YBM)

$$= 3,65 * 4.383 = \mathbf{15.998 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

❖ **Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B)**

Theo phương pháp này, giá trị một cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = BV \times P/Bbq_n$$

Trong đó:

- + **P**: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- + **BV**: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu
- + **P/Bbq_n**: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty cùng ngành đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ số P/B được tính toán bằng giá trị P/B bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu YBM = P/B trung bình * Book value (YBM)

Chỉ tiêu	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (HII)	CTCP Khoáng sản Á Châu (AMC)	CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (YBM)
Giá đóng cửa của cổ phiếu trong phiên giao dịch ngày 31/07/2018 (đồng)	13.250	17.750	19.200	
Nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 (đồng)	203.623.908.648	306.324.791.089	50.484.205.549	130.876.377.805
Tổng số cổ phần	15.000.000	13.600.000	2.850.000	10.000.000
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ	13.575	22.524	17.714	13.088

phần tại ngày 31/12/2017 (đồng)				
Hệ số P/B	0,98	0,79	1,08	
Hệ số P/B trung bình	0,95			

(Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán 2017 của các Công ty

Giá cổ phiếu YBM = Hệ số P/B trung bình * Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (YBM)

$$= 0,95 * 13.088 = \mathbf{12.433 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

❖ Giá tham chiếu

Giá bình quân cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái được tính theo trọng số của hai phương pháp: Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần – Price/Earnings (P/E) với tỷ trọng 70%; và Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B) với tỷ trọng 30%.

$$\text{Giá bình quân (YBM)} = (15.998 * 70\%) + (12.433 * 30\%) = 14.929 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trên cơ sở các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày đầu giao dịch của cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái là **14.900 đồng/cổ phiếu**.

Biên độ dao động giá cổ phiếu trong phiên giao dịch đầu tiên: $\pm 20\%$

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài. Kể từ ngày trở thành công ty đại chúng, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, trong đó quy định:

“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước

ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Theo quy định nêu trên, căn cứ ngành nghề kinh doanh của Công ty và danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố tại website: <https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6>, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 49%.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty tại ngày 30/06/2018 là 0 cổ phần (tương đương với tỷ lệ sở hữu là 0% vốn điều lệ).

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Đối với Công ty

➤ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

Theo điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CACO3”, Công ty Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái được miễn

thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo. Doanh thu từ sản phẩm bột đá CaCO₃ và hạt nhựa Taical của Công ty là hoạt động được miễn, giảm thuế theo quy định nêu trên.

➤ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

8.2. Đối với nhà đầu tư

➤ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
 - ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức:
 - ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
 - ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu

thường, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhân cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

➤ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 7572

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Trụ sở chính: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 024. 3850 1686

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, phường Đakao,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 2220 0237

Fax: 028. 2220 0265

VII. PHỤ LỤC

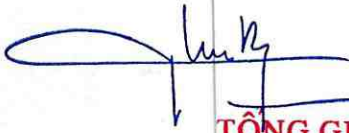
- 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**
- 2. Phụ lục II: Điều lệ công ty**
- 3. Phụ lục III: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty**
- 4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính của Công ty kiểm toán năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính của Công ty quý II năm 2018**
- 5. Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật**

Yên Bái, ngày tháng năm 2018

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Dũng



Hương
CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Quốc Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Ngọc Minh



Lê Anh Tuấn

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *Muy*

Chu Mạnh Hiền